

REVUE POUR TOUS

TU DÂN

DEPOT LEGAL

ÁP CHÍ

Dépot légal

*Exemplaires de la Revue pour tous
Hanoi et Saïgon*



N 14 846

四民雜誌

CLICHE AN-PHONG

Cơ quan truyền bá văn-chương và khoa-học
MỖI TUẦN LẺ RA MỘT KỲ

Mỗi quyển 0\$10

IMP. SPÉCIALE



BỆNH QUỶ ĐÃ CÓ THUỐC TIỀN
Đau mắt không gì bằng dỏ
NƯỚC QUANG-MINH

Vậy các ngài đau mắt, bất cứ nổi nhiều tia máu, hai mắt đỏ ngầu, hoặc nhiều rử, lúc nhìn vật nọ vật kia, lơ mờ không rõ, trông ra bóng nắng hai mắt đều hoa và lóa cả lên, hay đau quá sinh ra màng khó che người; vậy kíp dỏ nước này sẽ thấy kiến hiệu một cách mau chóng, mua thuốc xin nhận kỹ hai chữ Đại Quang kéo lại trên mắt lật manç. Trong hộp đã có ống bơm dỏ dỏ.

Mỗi lọ : 0\$20

ĐẠI-QUANG DƯỢC-PHÒNG

47, Phố hàng Đường, Hanoi — Giây nói 805

Haiphong Đại-lý: N° 78, 80, Viễn-Xương phố Khách

Bản Dược-Phòng và các nơi đại-lý đều có sách thuốc biểu

GIẢI THƯỞNG 500\$00

Tên khách Sui-A-Seng ở phố Poterie Nam-dinh làm thuốc ngã nước sốt rét sốt nóng giả mạo tên hiệu Phúc-Đình Père, bán 0\$25 một gói dỏ lừa người không biết.

Tòa án Haiphong đã kết án tên khách ấy 3 tháng tù và bồi thường 500\$00 cùng các tiền án phí nữa cho hiệu Phúc-Đình Père ở gốc hàng Kèn • Cây Thị • số 88 Hanoi.

Nếu ai bắt được tên nào giả mạo tên hiệu Phúc-Đình Père, sẽ lĩnh thưởng 500\$00.

Hiệu Phúc-Đình Père đã chữa khỏi hàng mấy triệu người ngã nước, sốt rét, sốt nóng, cảm, cúm, rức đầu, đau xương, đau tức, dầy hơi, phong thắt, đau bụng kinh niên, đau dạ dày, lặn, tim-la, đi tả, trẻ con cam sài và đủ các thứ thuốc khác nữa, danh tiếng nổi khắp cõi Đông Pháp và các nước M. Gentizon và M. Vild. Ingénieurs ở Paris có gửi giấy khen và bảo hiệu Phúc-Đình Père gửi thuốc sang để Ngài gửi đi bán giúp các nước, rồi Ngài sẽ lấy bằng các nước cho. M. Gille Georges Chánh (Douanes) Cầu Giat, M. Apos'oli Chánh (Douanes) Hà-Trai M. Robert Kraemer ở Service Santé Hongay và các quan tây khác có cho nhiều Certificats khen nhiều thứ thuốc rất hay.

Thơ và Mandat xin cứ đề Phúc-Đình Père dit Trần-viết-Bính Boulevard Gia Long N° 88 Hanoi.

Téléphone N° 880.

TỬ DÂN TẠP CHÍ

REVUE POUR TOUS

Cơ quan truyền bá văn-chương và khoa-học

MỖI TUẦN LÊ RA MỘT KỲ

TÒA SOẠN VÀ TRI-SỰ — Số 26, Phố Hàng Đậu, Hanoi — : Téléphone n° 847



Giá mua báo ĐÔNG-PHÁP

Một năm. . .	5p.00
Sáu tháng . .	2 50
Ba tháng. . .	1 30
Mỗi số. . . .	0 10

NGOẠI QUỐC

Một năm . . .	7p.0
Sáu tháng . .	3 50 _n

Fondateur : H. TISSOT

Résident Supérieur honoraire

CHỦ-NHIỆM : TIẾT-KIM-BÀNG

TRI-SỰ KIỂM QUẢN-LÝ: TIẾT-NHU-NGỌC

Tarif des abonnements INDOCHINE

Un an. . . .	5p.00
Six mois. . .	2 50
Trois mois. .	1 30
Le numéro. .	0 10
HORS DE L'INDOCHINE	
Un an. . . .	7p.00
Six mois. . .	3 50

Năm thứ hai

Số 46

MỤC-LỤC

Cách lịch sự người Pháp

Tục lệ và hôn lễ bên Pháp và các nước (tiếp theo)

Những điều ngang trướng nên cải cách

Câu truyện thuốc — Nói về bệnh phù

Một xứ toàn những rắn

Bình dân ngân hàng

Văn dịch — Cố mãi không thành...Bỏ tay xin chịu —

Kỳ thi thứ nhất của tôi.

Văn thơ

Dư luận — Sau bữa tiệc hàng năm cựu sinh viên trường

Thông ngôn Hanoi

Mấy nhời chung cáo cùng các nhà Chước-thuật nước ta

Thầy đồ tôi

Quan Ôn

Thư tín vật

Chuyện vui

Pasteur tiên sinh

Nhất thiên nhất gia thoại

Tiệc trà tiễn quan nguyên Toàn-Quyền Robin tại hội Khai-tri tiến-đức.

SOMMAIRE

Savoir vivre français

Rites matrimoniaux à l'Etranger et en France (suite)

Propos malsains à éviter

Causerie médicale

Le Bériberi

La cité des serpents

Caisse d'épargne

Mes vains efforts

Mon premier examen

Poésies annamites

Tribune libre

Après le baquet annuel des anciens élèves du Collège des Interprètes

Comment il-faut écrire

Mon professeur

Dieu des Enfers

Petites correspondances

Contes amusants

Pasteur

Sa vie et ses découvertes (suite)

Mille et une nuits

Le Jeune roi des Jles noires (suite)

Thé en l'honneur de M. le Gouverneur Général R Robin

CÁCH LỊCH SỰ NGƯỜI PHÁP

Tục lệ và hôn lễ ở bên Pháp và các nước (Tiếp theo)

Bài này chúng tôi xin kể lại lịch nguyên ủy về lễ ăn hỏi (vấn-danh) và nhấn cưới.

Lễ vấn danh là thế nào ? tức là một lễ hai bên chao nhời đính ước với nhau.

Tự cổ lai, các xứ, xứ nào cũng có lễ ấy người Tàu, người Ấn-độ, Tây-trúc, La-tinh, La-mã, cũng có cả.

Thực là một lễ tối cần. Các lễ ấy là để định liệu việc nghênh hôn cho được ổn-thỏa, khỏi phải hấp tấp vội vàng, và thắng hoặc có nhiều người cũng muốn gặp ghé một người ấy, thấy đã ăn hỏi rồi thì đừng có ngổm ngổ nữa; khỏi xảy ra tranh-trở.

Dân Giu-dêu — Ngày ăn hỏi thì người con gái chao tay cho người con gái mà nói rằng « Cô là vợ tôi nhé » Nếu người con gái không thuận nhưng vì ứ bách sợ hãi mà phải cầm lấy, thì cái nhời đính-ước ấy cũng như không, không kể là đích hẳn được.

Dân Hy-lạp — Ngày ăn hỏi thì con gái chao cho con gái hoặc một cái hoa, hoặc vòng hoa, hoặc một lọ nước hoa.

La-mã — ở La-mã thì cái lễ hỏi là trọng lắm. Hôm ấy thì không phải chính chủ đi cũng được, có thể mượn người khác thay, hoặc chịu tiền cho mồi lái dùm cho.

Ăn hỏi rồi mà hoặc vì lễ gì hai bên cùng thuận thôi không cưới, hoặc một bên không thuận nữa cũng là thôi.

Bên ấy cũng có tục « cha mẹ đặt đầu con ngồi đấy » cha mẹ đã thuận không cần phải hỏi ý con gái cũng được. Lại có lệ hỏi sớm, như con gái thì bảy tuổi trở đi đã có người hỏi rồi.

Ngày ăn hỏi cũng mở tiệc mời họ hàng, làm lễ, cũng bói diêm lành. Họ lấy chim mà bói, hoặc nghiệm nó bay thế nào, tiếng kêu giọng hót, ăn uống thế nào.

Nếu người con gái đi lính, thì người con gái phải đợi hai năm. Hết hai năm rồi có muốn thôi mới được thôi, mới được nhận nhời người khác.

Còn tiên giãn cưới thì giao cho nhà gái, nhưng rồi lại cho cả cô dâu để làm vốn.

Đại-Pháp Ở Đại-Pháp thì cái lễ ăn hỏi không có làm linh đình gì, chỉ là hai bên giao ước với nhau mà thôi.

Thường thì hỏi rồi không được dễ quá một năm mới cưới.

Nhấn cưới. — Đeo nhấn cưới là tỏ ra đã thành gia-thất rồi, tức là cái biểu hiệu một cái vòng đồng - tam, một cái liên-hoàn kết chặt đôi vợ chồng,

Cái tục ấy từ khi xưa ở Hy Lạp, ở La mã cũng đã có (nhưng người ta hay dùng nhất bằng sắt).

Cái nhấn mà con gái sắm cho con gái hôm đính ước hỏi nhau thì tha hồ sắm cho cực đẹp, nhưng chính cái nhấn cưới của hai bên cùng đeo thì tất phải chơn chu kiểu

vành song không nhận kim-cương thủy-soạn gì. Theo đạo thiên-chúa thì nhẫn cưới phải có các đấng làm phép rồi người chồng lấy cái nhẫn của mình sỏ vào ngón tay vợ trước (ngón đeo nhẫn ta thường gọi là ngón vô-danh, bàn tay trái) đã, mới đeo vào tay mình sau.

Cũng nhân cái nhẫn cưới có nghĩa là cái vòng Cổ-kết, nên ở Nhà thờ cũng theo ý ấy mà dùng nhẫn làm lễ để các đức cha khi chịu chức đeo, gọi là «Anneau pastoral» nghĩa là các đấng giảng buộc với tôn giáo.

Lấy vợ lấy chồng lần thứ hai

Khi xưa ở bên Pháp, trong những xứ đi giáo, coi rõ những đám cải-giá tái-giá. Người ta chế nhạo lắm cách lắm, như là đem sanh cháo theo đám cưới, hoặc đến tận nhà đám cưới mà khua rầm rĩ lên. Họ gọi là «Donner un charivari» làm náo nhiệt. Họ theo giễu giễu như đi rước liên với cô dâu chú rể mà gõ sanh gõ cháo, hoặc rúc tù-và bên cạnh. (1)

Lại còn những gia-đình nào lục đục, chồng chịu dễ vợ đánh đập, thì họ cũng làm huyền nào ở trước cửa như vậy. Có nơi họ còn bắt anh chồng dụt ấy cưới lừa quay mặt ra đằng đuôi, đầu đội cái mũ ngủ, tay cầm cái guồng kéo sợi, sau lưng đeo cái bảng có mấy chữ rằng «Vợ tôi đánh

(1) — Có lẽ ngay bên ta ngày xưa cũng có lệ này, nên mới có những câu: «cô dâu chú rể đội rế lên đầu». «sấu hổ lấy rế mà che, lấy nong mà dè lấy đầu mà đóng» để cho bây giờ bọn trẻ mất giay, thấy đám cưới, không phân biệt gì, cứ à à theo sau, reo hò làm cho cô dâu chú rể thẹn rừ cả người. Ta cũng có câu gọi những đôi này là «rõ rã cặp lại». Thế mới biết rằng cũn cho cùng ra thì phong tục các nước đều giống nhau, tuy có thay đổi ít nhiều nhưng cũng chẳng khác nhau mấy.

tôi mà tôi vẫn cam tâm» rồi họ riêu đi quanh làng quanh xóm. (2)

Nhưng thường thì những đôi chênh tuổi nhau quá mới lại càng lắm trò nữa. Ví dụ như anh chàng trẻ tuổi tham tiền vợ chị vợ già sọc. Lắm nơi họ đặt ca đặt vè mà hát. Xin trích vài bài như sau này.

Honte à la vieille qui se marie
Après soixante ans ;
qui singe hélas ! la jeune fille,
Bien qu'elle n'ait bientôt plus de dents
Mais elle a des écus en pile.

Xấu hổ thay bà già xuất giá
Ngoài sáu mươi còn giả gái tơ
Bộ răng sắp rụng bây giờ
May mà còn được trơ trọc tiền

Son galant est le fin Renaud
aussi joli qu'une belle ourse
Tout le monde le croit nigaud ;
mais il ne l'est pas pour sa bourse
Charivari pour tous les deux

Gã kia bọm bãi khôn sao
Đẹp như gấu cái khác nào chẳng sai
Thế gian ngỡ giải chè bai
Đến tiền gã chẳng có hoài giải đầu
Lêu ! lêu ! hai đũa một mầu.

Trong chốn hương thôn, hễ đám cưới nào không chịu mở tiệc mời nhầy dầm, thì bọn thanh niên cũng đe dọa làm huyền-nào cho sấu hổ.

Có nơi thì khi làm lễ cưới ở nhà thờ xong rồi về nhà, bà mẹ vợ, hoặc một bà cô bà dì nào thân thích, lấy một bao gạo nhỏ

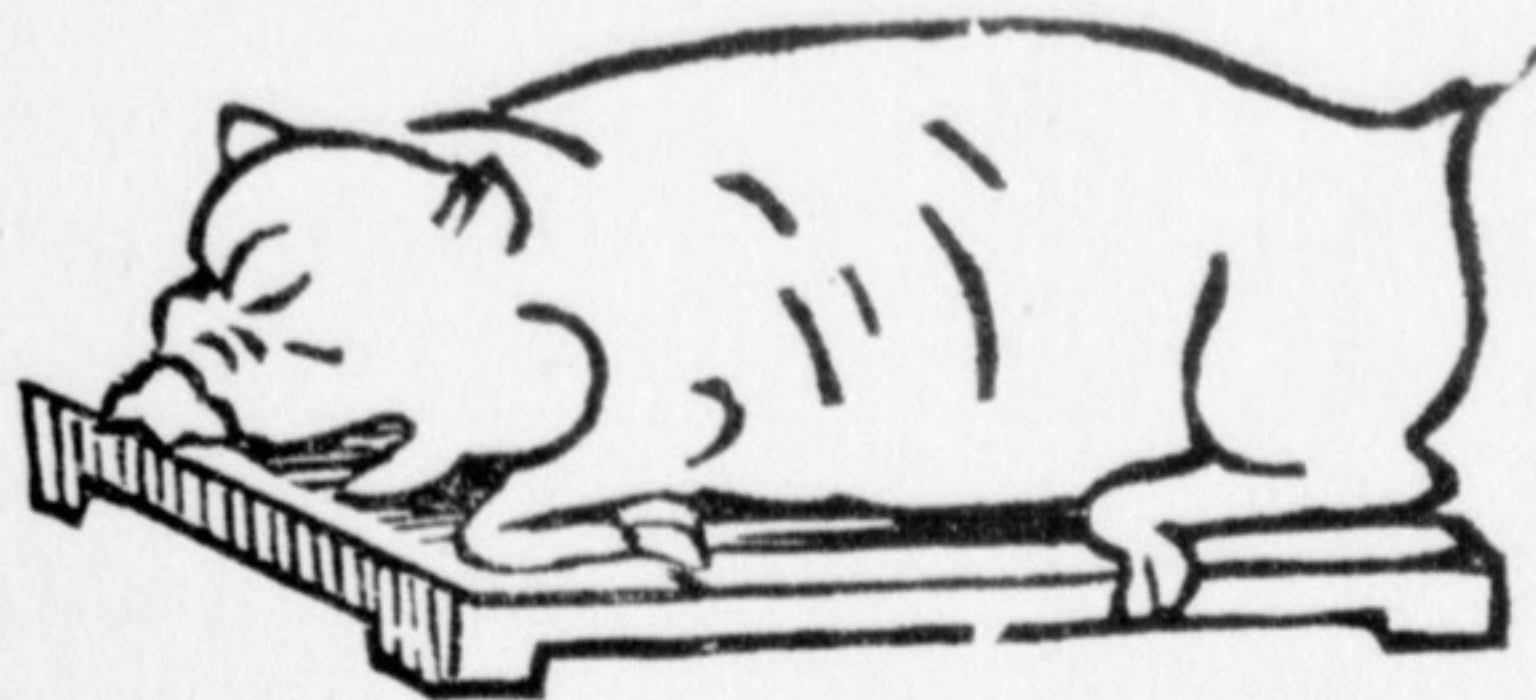
(2) Nếu vậy thì cũng chẳng một mình ông chồng Nam-Việt thời này nhỉ !

nhỏ rồi bốc gạo ra mà ném vào cò dàu. Làm như vậy chỉ nghĩa là: «chúc cho con cháu đầy đàn đầy đồng hàng hà sa số như những hạt gạo này.»

Cũng có nơi lúc đám cưới về cũng chẳng giây, mỗi chỗ chẳng cũng phải cho tiền, (1)

Ngày nay nhờ có báo chí hô hào, lại đường giao thông tiện lợi, nên những tục lệ riêng trong chốn hương-thôn dần dần cũng cải cách nhiều.

(Còn nữa) L. V. R.



(1) - Những thói tục này chẳng khác bên ta tý nào.

Chúng tôi vẫn lưu tâm kê cứu về mục này để các quý Độc-giả được rõ ràng những cổ tục thì đâu cũng có cả. Chứ tôi vẫn lưu tâm kê cứu về mục này để các quý Độc-giả được rõ ràng những cổ tục thì đâu cũng có cả. Chứ tôi vẫn lưu tâm kê cứu về mục này để các quý Độc-giả được rõ ràng những cổ tục thì đâu cũng có cả. Chứ tôi vẫn lưu tâm kê cứu về mục này để các quý Độc-giả được rõ ràng những cổ tục thì đâu cũng có cả.

Cái tính thay mới đổi cũ là tính rất hay, vì không thế thì không hòng tiến hóa được. Nhưng chúng tôi chỉ mong rằng trước khi ta theo cái gì mới thì ta hãy xét kỹ cái ấy có quả hay thực không? mà cái ta sắp bỏ đi có quả là dở hẳn không? Những thói tục của ta, ngày nay không được hợp thời thì có lẽ, chứ bảo rằng toàn hư hỏng cả thì vị tất đã đến nỗi thế.

Phong tục một xứ không phải một ngày mà nên được, cũng không phải một ngày mà phá bỏ đi được, vậy thì điều gì cũng vậy ta chớ nên hấp tấp.

Luận-ngữ cách-ngôn

Tử viết, đệ tử, nhập tắc hiếu, xuất tắc lễ, cần nhi tín, phiếm ái caung nhi thân nhân, hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn.

Đức thánh rằng: em con, vào thời hiếu, ra thời lễ, gần mà tin, rộng yêu mọi người mà gần người nhân, làm có thừa sức, thời lấy học văn.

NHỜI DỊCH

Con em hiếu lễ phụng thờ.
Ra ngoài huynh-trưởng ở nhà song thân.
Việc làm, nhời nói, cũng cần.
Giữ đường cần-thận chớ phần đơn sai.
Rộng yêu cùng giống, cùng nòi.
Mà nên thân hậu với người hơn ta.
Thì giờ rồi, chớ bỏ qua.
Nghề văn ta phải đem ra tập tành.

Tử viết, quân-tử bất trọng tắc bất uy, học tắc bất cố, chủ trung tín, vô hũu bất như kỷ giả, quá tắc vật đạn cải.

Đức thánh rằng: quân-tử chẳng trọng hậu thời chẳng uy nghiêm, học thì chẳng bền chặt, chủ điều ngay tin, không bạn chẳng như mình ấy, lỗi thì chớ ngại đổi.

NHỜI DỊCH

Người không trọng-hậu hẳn-hoi.
Nhìn xem nào thấy bề ngoài uy-nghi.
Bề trong lấy đó mà suy.
Học còn bền vững nôi gì nữa đâu.
Điều ngay tin lấy làm đầu.
Người không đồng-trí chớ cầu làm thân.
Lỗi mình có một hai phần.
Sửa-sang cho chóng đứng đắn-ngại chi.

ĐOÀN-NHƯ-KHUÊ dịch thuật

Những điều ngang trướng nên cải cách

Tôi thấy quý chi mở thêm mục này thì lấy làm hoan nghênh lắm. Thực là một mục rất có ích. Ta

thường quen dùng những câu nói, đã chẳng có nghĩa lý, lại còn thêm hại, thế mà không mấy người chú ý đến, thấy nói thì nói, chứ không ngờ đến cái hại nó gây ra thế nào.

Tôi xin kể hai chuyện thực, mong rằng sẽ giúp sức được cho quý-chi, cổ động cho người ta tỉnh ngộ, đừng buột mồm buột miệng bừa bãi nói dấy.

Việc này xảy ra tại thành phố Thái-nguyên đã ngoài ba mươi năm nay. nguyên là có một nhà kia (bắt tất phải nói rõ tên) chỉ có hai mẹ con, mẹ độ ngoài 50 tuổi, con giai thì vào chạc 20 sức vóc khỏe mạnh. Vốn là lương thiện buôn nân buôn vớ ở phố bờ sông (tỉnh Thái-nguyên có một giấy phố trông ra sông, từ trước cửa tòa xứ đến bên trại lính tây) toàn những người buôn lăm sản như nân, vớ, nắm, sa nhân, ở. Một bữa bà lão ấy chỉ vì việc mua bán tranh nhau với một người bạn hàng ở nổi xóm, mà sinh sự cãi nhau, Người kia cậy trẻ hơn, lăm điều hơn, nhẩy lên trồm trồm chửi bới thậm tệ. Người con giai bà lão thấy vậy chạy ra giảng giải để cho im chuyện đi. Người kia được trịch lại càng chửi mãi. Bà lão không chịu nổi, mới gắt lên bảo con rằng: » Mày

Chúng tôi tiếp được bức thư sau này của một bạn đọc tạp chí. Xin đa tạ quý độc giả và xin vui lòng đăng y như nguyên văn.

đánh chết nó đi cho bà. » Anh con cũng nóng tiết, vớ ngay được một cái đòn gánh ở gần đấy

đánh người kia. Vừa mới vụt xuống một vụt, nào ngờ cái gậy có tình ấy đã nhằm người bạc mệnh. Vừa buông tay thì người kia chết liền. Nhà khổ chủ hô-hoán lên, phố xá đổ ra bắt ngay hung thủ.

Việc đến trước tòa án mẹ con chàng ta phải kết vào tội cố sát, vì là chứng tá mọi người cũng cứ thực thừa khai như một cả.

Tôi cũng không bảo là mẹ con nhà ấy oan. Đánh chết người phải tội đã cố nhiên rồi. Nhưng nếu không có câu nói ấy thì phải tội ngộ sát là cùng.

Câu nói: «Đánh cho chết đi» là câu cửa miệng người mình vẫn quen nói, nhiều người mắng thầy tớ, mắng con cái, là song sóc nói luôn.

Quái lạ thay! những cái bất ngờ lại thường hay xảy đến. Tức như câu truyện tôi vừa kể trên đây; bà lão ấy nói thế, chẳng qua là cũng chỉ quen mồm mà nói chứ ngờ đâu rằng người kia đến chết thực.

Tiếng nôm ta còn nhiều câu vô lý như thế này lắm. Thực là những câu không bao giờ nên dùng.

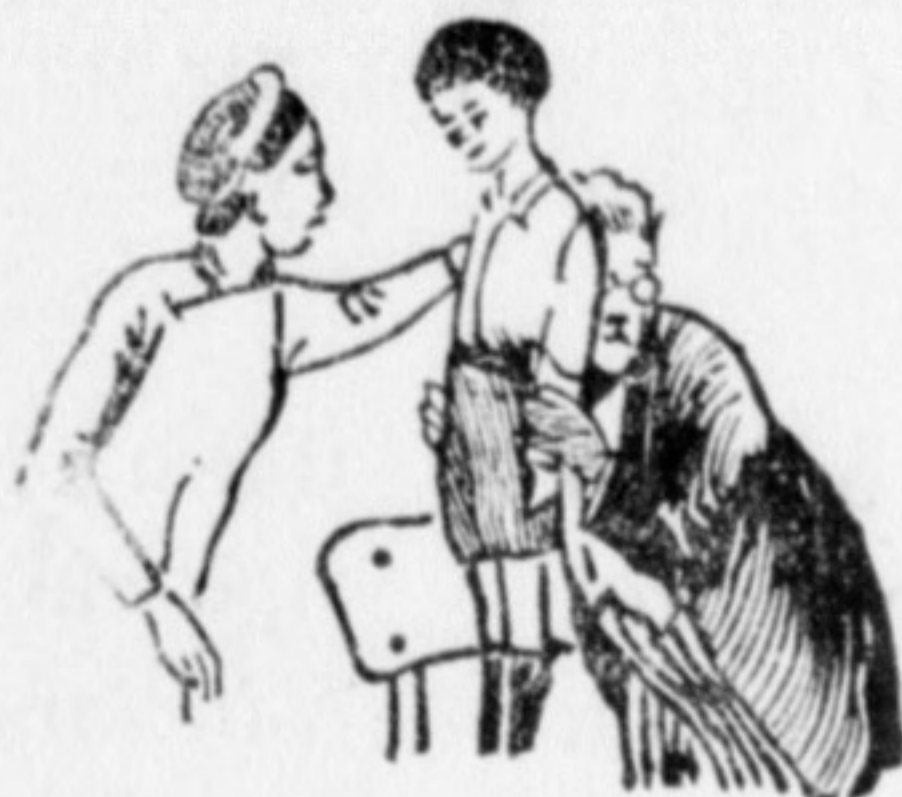
Tôi xin nghĩ ra, nhớ dần, chuyện nào mà chỉ nhân một nhời nói vô tình mà xảy ra thực, sẽ xin gửi đề quý-chi xét dăng tường cũng là một cách khuyên giãn có ích lắm vậy.

N. V. L. Thái-nguyên.

Theo như nhời bạn đọc giả thì chuyện này là một chuyện có thực. Xét ra cũng có lý lắm. Và lại là một chuyện gồm có 2 điều giản: một là không nên đa ngôn đa quá; hai là chớ ăn cần nói rõ mà mang giây buộc mình.



CÂU CHUYỆN THUỐC



Nói về bệnh phù

Bệnh phù chữ Pháp là **Béribéri** do tiếng Ấn-độ là **Chayrce** nghĩa là yếu, tiếng ấy là tiếng tamoul nói thường ở về nam Ấn-độ và nhất là ở cù lao Ceylan.

Ngày xưa ở Âu-châu không có bệnh ấy, chỉ có các xứ nóng mà ăn cơm mới có mà thôi, như ở Trung-hoa (Chine) Nam-dương quần đảo (Indes Néerlandaises) Nam mỹ-châu (Brésil) Pháp thuộc tây Phi-châu (Sénégal) Úc-châu (Océanie) và ở Đông-Pháp này thì thường ở Nam-kỳ và Cao-mên hay có.

Có lẽ chứng bệnh ấy phát ra ở Trung-hoa trước nhất, vì trong một pho y-học Tàu làm từ 2.000 năm trước Thiên-chúa giáng sinh đã kể về bệnh ấy.

Chứng bệnh. — Thường thì trước hết thấy mỗi hai chân, mệt oải, đau mình mẩy, không làm được việc gì, rồi thì chuyển dần ra hai chứng nữa như sau này :

1. **Sưng có nước** — Hai chân nặng ra mọng mọng lên rồi nặng đến cả mình cả mặt. Có người to sù sù bằng hai lúc không. Có khi cả quả tim cũng phù ra, to lên, làm cho tắc hơi khó thở từng cơn.

2.) **Liệt, khan** — Thoạt tiên thấy buồn buồn tê tê các đầu ngón chân ngón tay, nhất là ở hai ống chân, ấn mạnh vào thấy đau đau, thế rồi thành ra liệt cả hai chân, bắp đùi bắp chân rút đi đau mất cả, dần dần đến cánh tay nữa.

Các chứng ấy có khi thì phát ra dần, kh

thì phát cả một lượt, khi thì nặng dần dần trong mấy tháng, khi thì chỉ mấy ngày là chết.

Tại làm sao mắc phải? — Các nhà y-học mỗi người còn bàn một cách chưa ý hợp. Trước hết còn cho bệnh ấy là do sự đói khát, cũng như bệnh mòn, vì ăn cơm không đủ chất bổ, nhưng đến sau thì lại xét ra rằng bệnh ấy có vi-trùng hay lây. Ví dụ như ngủ vào giường người mắc bệnh phù nằm trước thì mắc phải. Cứ xem ngay như trong các đề-lao, các trại-lính, các trảng-học thì đủ biết là bệnh ấy hay lây.

Có một điều hiển nhiên nhất là người ta một bữa ăn đến chín phần cơm cho nên mắc phải.

Tại Nam-kỳ người ta đã nghiệm ra rằng từ ngày có nhà máy gạo thì bệnh phù lại phát ra nhiều, vì rằng càng nhiều nhà máy bao nhiêu thì các nhà tư giã gạo bằng chầy máy cối gỗ lại bớt đi bấy nhiêu, mà chính giã thế mới khỏi mất hết cả cám. Taế mà cám lại là chất bổ nhất của gạo nào là :

Đạm-chất, Du-chất, Tư-dưỡng-chất, Hàm chất, cứ xem dùng cám nuôi lợn béo thế thì đủ rõ.

Lại năm 1909-1910, tại nhà pha hỏa lò Hanoi có bệnh dịch phù, trong 472 người tù thì đến 75 người mắc phải. Cho ăn cơm gạo say qua, không cho ăn gạo giã kỹ nữa, thế là tự khắc bớt dần mau lắm.

Vậy các thầy thuốc nói rằng nên ăn cơm gạo giã qua thì bổ hơn và dễ tiêu hơn là gạo giã kỹ, ăn gạo nhà quê giã tốt hơn ăn gạo máy.

Người ta lại nghiệm ra rằng trong một năm thì vào khoảng mấy tháng nóng nhất và có thấp khí nhất, tức là từ tháng tư tháng năm cho đến tháng chín tháng mười thì hay phát bệnh ấy; một trăm người mắc thì đến 40 người bị thiệt mạng.

Cách chữa — Cách chữa theo Bác-sỹ Noel Bernard, trưởng viện Thí-nghiệm « Institut Pasteur » ở Saigon như sau này:

1) Làm cho kiện tỳ.- Chế thứ nước chanh như thế này mà uống:

Acide chlorhydrique au 1/10e 20 grammes

Eau distillée 875 —

Sirop de sucre 125 grammes

Uống sau khi ăn cơm hay trong bữa cơm cũng được, mỗi bận uống nửa cốc.

2) Dùng các thứ nhuận tràng để cho hoạt.

3) Ăn ít cơm (để cho bớt chất bột bứ) mà ăn những thứ bổ có nhiều tư-dưỡng chất, như thịt tươi, cá tươi, rau tươi, quả tươi, thay vào.

4) Chữa cho khỏi thương can — Tiêm strychnine tăng dần dần đến liên 10 milligrammes.

Ta thường nhầm cứ cho ăn được nhiều cơm là bổ. Trẻ con thèm ăn đồ ăn, thì người nhớn hay mắng rằng « chỉ ăn giỗ mỗi ». Nhất là gái đẻ, cũng chỉ cố ép cho ăn nhiều cơm, mà lại bắt ăn khem, đồ ăn chỉ một tý muối giàng hay là nước mắm chưng mà thôi. Ăn như thế thì còn bổ gì nữa, mà chính lúc ấy là lúc cần phải bổ khí huyết lắm. Trừ những món đồ ăn không lạnh mà ta vẫn hay kiêng, như cua, ốc, dưa, cà, v. v. ... còn những thứ bổ như thịt tươi, gà non, chim non, là nên ăn cả.

Lại còn những người ốm, ta cũng cố ép ăn, cũng chỉ vụ ăn cho nhiều cơm, chứ không lo mấy về đồ ăn bổ, dễ tiêu hay khó tiêu. Nếu không ăn được thì cho ăn cháo hoa. Lắm khi người ốm thèm ăn thứ này thứ khác thì người nhà lại e độc không dám cho.

Những đồ ăn bổ như thịt tươi, cá tươi, rau tươi, chúng tươi, gà, chim, là nên ăn cả. Nếu người ốm ăn khó tiêu, thì nên cho ăn súp (soupe) hoặc canh ngọt (bouillon) thay vào cháo hoa thì phải.

Đã đành rằng cơm gạo là thứ đồ ăn tối nhất của ta, nhưng phải có nhiều đồ ăn bổ khác thêm vào mới tốt. Tức cũng như thuốc phải đủ quân thần tá xử, vị này bù vị kia mới có hiệu nghiệm.

Nếu bảo những người nghèo khổ thì còn có đâu mà kén được đồ ăn bổ, chỉ cốt ăn được nhiều cơm thôi, sao mà người ta vẫn khỏe, ít tật bệnh.

Xin thưa rằng những người ấy khỏe lại chính ở cái nghèo mà ra. Người ta phải làm nhiều tức là được một món thể thao tự nhiên, ra ngoài nhiều giảm xương già nằng là được hưởng không khí tốt, còn ăn thì rau cỏ hoa quả (như đã nói trong bài trên) cũng rất bổ. cơm ăn thì ăn gạo đỏ, gạo giã qua loa, lại càng bổ hơn gạo thực trắng giã thực kỹ.

Mà thực vậy, gạo không cần phải giã thực kỹ mà sạch mất cả cám thì hết mất cả chất bổ. Vậy thì cái tinh tuyệt hột gạo tức là cái lướt giáp ngay vỏ chấu, chứ ở trong thì chỉ là cái lõi không bổ bằng.

Những người phải bệnh phù, nghĩa là trong tạng phủ thiếu cái chất ấy, nên thầy thuốc bảo nấu cám cho ăn, cũng nhiều người khỏi lắm.

Còn bệnh cúm, cái chứng bệnh nó cũng đau đớn các đầu xương tựa tựa như bệnh phù, nên ta hay cho người đau ăn bánh đúc cũng là một chủ ý ấy, chứ quyết không phải là thần cúm thích bánh đúc như nhời dy đoan đầu.

Một người khán hộ tập sự



Luận-ngữ cách-ngôn

Tử viết, quân-tử thực vô cầu báo, cư vô cầu an, mẫn ư sự, nhi thận ư ngôn, tựu hữ đạo nhi chính văn, khả vị hiếu học giả dĩ.

Đức Thánh rằng, quân-tử ăn không cầu no, ở không cầu yên, nhanh chuang việc, mà ghín chừng nói, tới người có đạo mà hỏi vậy, khả bảo rằng chăm học vậy vậy.

NHỜI DỊCH

Học trò trí ở học hành,

Bữa ăn nơi ở cho đành thì thôi.

Sêng mọi việc, cần từng nhời,

Còn đem nổi lại những người hơn ta

Cho hay đạo-lý cao xa,

Dụng công như thế đã là học chăm

Một xứ toàn những rắn

Tại xứ Bello-Horizonte là nơi đô hội của Minas-Geraes, sơn cước thành Brésil về phía nam Mỹ-châu tức là một xứ lập lên trên một cái núi mỏ sắt cao đến 1.000 thước. Xứ ấy mới lập thành độ chừng 30 năm nay, chứ nguyên trước vẫn là rừng rú cả. Hiện nay có chừng độ mươi vạn người. Phố xá ở vùng tròn cả trung quanh, khiến cho khách ngoạn cảnh xa trông lấy làm một nơi hữu tình lắm, thực là một thành phố lớn cây cối sầm uất. Nhưng đến tận nơi đi vào trong thì chỉ thấy có lồng lộng bên ngoài thế thôi. chứ kỳ thực bên trong vẫn còn là chốn bồng bồng cả. Đường xá phố phường mới cất thì chỉ có biển đề thôi chứ chưa mở.

Duy chỉ có một cái nên chú ý nhất là một cái nhà rắn tức là cái y-viện chữa nọc độc. Cái viện ấy y như một cái trang trại trung quanh thuần là vườn có cây cỏ, chứa những khu vuông vuông giống cỏ, sể hào chứa đầy nước và chung quanh có tường bít đốc thâm thấp. Ròm vào trong ấy thì chỉ thấy những rắn là rắn, nào hổ mang, hổ lửa đủ các thứ, cho chí cả đến những con rắn con con đỏ đòng đòng như mã nhào. Các khu ấy là những khu nuôi rắn để lấy nọc.

Người vào bắt rắn, chân đi ủng cao, tay cầm móc sắt; nhảy qua tường vào trong, móc móc, kêu kêu một hồi trong cỏ thể là vớ ra được một con hổ mang tương nó dương bạnh ra phun phè phè. Người ấy nắm lấy rồi chao lại cho một nhà Bác-sỹ truyền môn theo liền đấy. Ông này tho tay ra nắm ngay ở dưới đầu con rắn bóp mạnh một cái. Thế là con rắn phải trợn mắt lên mà há hốc mồm ra đến tận mép, chia cả nanh nọc ra trắng bếu. Tay kia Bác-sỹ lấy một cái thìa ti tẹo bằng thủy tinh vừa vuốt ve những cái nanh ấy vừa ấn khè khè vào cái bọng ở chân răng thế là cái nọc nó phọt lên trên cầu răng lóng lánh tròn tròn như hạt kim cương, rồi Bác-sỹ hút cái hạt ấy để chế thuốc tiêm trừ nọc độc. Ấy chỉ có một hạt mấy may thế mà cũng đủ chết người. Mà lạ thay, dĩ độc trị độc, lại lấy những nọc độc như thế mà chữa cho sống người.

Nội trong thành Brésil bắt được bao nhiêu rắn độc là gửi đến đấy cả.

Ở đấy họ lại còn nuôi cả những con bọ-cạp vào trong những cái hộp bằng thủy tinh, kê hàng mấy trăm con một. Nọc giống bọ-cạp này «Scorpion» lại còn độc hơn nọc rắn. Nhưng may làm sao giống này lại không có mấy hột nọc.

Viện chữa nọc độc «Institut antivenimeux» thực là một cái công trình lớn lao lắm.



Con bọ cạp



Đầu rắn độc

Con rắn thì chắc các Độc-giả, tuy vị tất đã mấy người phân biệt được thế nào là hổ mang, hổ lửa, cạp nong, mai gầm, v.v.. nhưng ai mà chả biết hình giàng con rắn là thế nào. Xin cứ nhớ nghiệm chung thế này là đủ: Phàm rắn độc thì đầu nó phải có bạnh cả. Xem hình vẽ trên này. Duy con bọ cạp thì Độc giả chớ tôn, tất cũng nhiều vị chưa trông thấy bao giờ. Vậy xin vẽ nguyên hình ra đây để các ngài rõ.

Giống này ở xứ nóng. Nhưng ở ngoài Bắc-kỳ thì không có mấy, duy ở Trung-kỳ và Nam-kỳ thì có thường. Nó chỉ to bằng con rết thường thôi. Nọc nó ở đằng đuôi, nó đốt người ta là nó châm cái đuôi nó vào.

Theo vạn vật học thì nó thuộc về loài nhện. Tên chữ nho là 蝎 (yết) xưa nay người ta vẫn quen mồm cắt nghĩa 蛇蝎 (sà yết) là rắn rết, vì là hai chữ nho là chữ liên mà tiếng nôm cũng là tiếng liên cho nên mới nhầm như vậy. Kỳ thực thì chữ «yết» chính là con bọ-cạp.

Lại còn một điều người ta cũng thường hay nhầm nữa là thấy lưỡi rắn thè ra thè vào cứ bảo là nọc rắn. Nọc nó, như đã nói ở trên, đựng trong hai bọng ở hàm trên nó, thông ra hai cái nanh ở đằng trước. Khi rắn ngậm mồm thì hai cái nanh ấy xuôi theo vào trong mà há mồm thì nanh ấy dương ra để tiêm nọc độc.

Bình - Dân Ngân - Hàng

Ngân ngữ tây có câu (on ne prête qu'aux riches) nghĩa là : thiên hạ chỉ cho người giàu vay mượn, suy cho cùng ra quả nhiên có thế, vì nhà giàu chỉ có lúc nhớ phải đi vay, nhưng là vay tạm thì, đã có đủ tài sản bất động làm bảo lĩnh. Cho nên đến vay ai chả được một lúc dăm bảy trăm một vài nghìn.

Còn những hạng thường thường trong nước vô gia cư, vô sản nghiệp lấy tài lực đâu đủ làm bảo lĩnh, để người có tiền dám đem cho vay, vì thiên hạ hay trợn người mà gửi của. Những hạng bình dân làm công nhật, nhất là phái lao động, lúc túng bấn đã khó đi vay, còn khi nhớ, khi bị tai nạn bất kỳ hay phải là đến việc giỗ tết, ma chay cũng chả có thể trông mong vào các ông chủ được. May ra có ông chủ nhân đức thì khi thợ thuyền bị ốm đau cũng cho tiền trợ cấp. Nếu gặp phải ông chủ nào gia dẫn như sành, thợ ốm thì mặc thợ, cốt nhét cho đầy túi tham, khi ốm đau người làm công đành bó gối chờ cái chết rũ đi. Rồi sau khi chết được yên phận mình, còn vợ con cầu vơ cầu vắt ở cõi đời, chịu nỗi đói khát dạn nan.

Vì hai lẽ : hạng bình dân không trông cậy ở món tiền đi vay được, vì không đủ bảo lĩnh, hạng bình dân không trông cậy ở món tiền trợ cấp của chủ vì nhớ gặp ông chủ không có lương tâm. Vì hai lẽ đó mà nhóm lên cái phong trào mở bình dân ngân hàng tại các nước văn minh về hồi thập cửu thế kỷ Bình dân ngân hàng sau khi thành lập rồi, tức là một nhà băng lớn của các phái bình thường trong nước nhất là của phái lao động chiếm phần hơn.

Mỗi người thợ để dành mỗi ngày 5 su không là mấy. Mười người thợ mỗi người mỗi ngày góp 5 su, một tháng đã được 15 đồng. Một trăm người thợ mỗi ngày 5 su, được mỗi tháng 150 đồng. Một nghìn người thợ mỗi ngày 5 su, được nghìn rưởi bạc một tháng. Nghìn rưởi bạc thành một cái vốn khá dĩ là to rồi. Nhưng bình dân ngân hàng còn vĩnh viễn thì cái vốn nghìn rưởi mỗi tháng thêm to, có thể đến vạn rưởi, ức rưởi, triệu rưởi. Đem cái vốn đó ra chia làm ba phần, một phần để

phòng giúp đỡ những người có chân trong ngân hàng gặp phải tai nạn, một phần dùng vào việc kinh doanh, hoặc mở siêng máy, hoặc chung phần vào một công ty nào phát đạt, một phần nữa để cho vay lãi nhẹ, nhân thể giúp những người thợ nghĩ được thứ đồ dùng gì mới lạ muốn chế ra mà không sẵn tiền mua tài liệu.

Nhà bình dân ngân hàng thành lập được rồi không những có ích về phương diện kinh-tế, còn có ảnh hưởng to về đường luân lý của hạng bình dân? Người thợ đi làm công nhật được dăm bảy hào một ngày. Trừ ăn tiêu còn được dư độ dăm su, một hào tất nghĩ bụng bỏ túi cũng chẳng làm gì, thì đi mua rượu uống hoặc vào đám lú hay chầu lễ mà nường hết cũng thôi. Song le, nếu người thợ ấy có chân trong bình dân ngân hàng tất bị bắt buộc phải đóng mỗi ngày một hào hay dăm su, vì sự bắt buộc mà người thợ ấy trong một năm 365 ngày để dành được 365 lần năm su, cộng 1825 su. Tất một nghìn tám trăm hai mươi năm su cũng thành ngót hai chục bạc.

Số tiền ngót hai chục bạc đó gửi ngân hàng để lợi thêm ra nữa. Thế là người thợ kia đã không bị tiêu nhiệm thứ rượu, chè, cờ bạc, còn có món tiền gửi băng làm bảo lĩnh, khi túng nhớ sẵn gặp tai nạn gì không phải đến lấy lực những hạng hút máu mủ người mà họ cũng chả thêm cho vay. Cái tinh thần không ỷ-lại của người thợ thật đã nhờ có món tiền để dành kia không bị tiêu ma đi mất.

Bình dân ngân hàng còn có một ý nghĩa sau này rất hay giúp ích lớn cho phái lao động lắm lắm, người thợ đã có tính cách không ham cờ bạc rượu chè, người thợ đã biết để dành tiền là có ích, người thợ khi nhập hội ngân hàng lại còn nờ ở một đoàn thể lớn lao che chở cho mình những khi tai nạn phi thường. Cái địa vị người thợ nhờ có cái cơ quan chung cho hạng bình dân đó mà có thể ngày một nâng cao, cái tiếng "bác thợ" tất nhên người đời không còn dám dùng ra giọng mỉa mai khinh rẻ nữa.

Lê-vũ-Thái

VĂN - DỊCH

Cò mái không thành... Bỏ tay xin chịu...

Ý-kiến mà chúng tôi bàn dưới đây đã có nhiều người bày tỏ trên báo-trương rồi, song chúng tôi muốn bàn cho thêm rộng. Ở nước ta, hình như những người hơi phong-lưu là hay có linh chơi bời, xa vào những cái cạm cò-bạc, rượu chè, gái gái. Nếu chịu nhận, ta có thể tạm chia các hạng phong-lưu có một chút địa vị ở trong Xã-hội và ở trong vòng ấy ra làm hai hạng. Hạng thứ nhất. — Hạng này hơi ít, mới ra đời. Vốn còn chong sạch muốn giữ lấy cái đời vui thú; sung-sướng ở trong gia-đình cho nên vẫn chịu xuy-xét nghĩ ngợi. Nhưng thường hay gặp nhiều điều ngăn-trở, khó lòng đạt hẳn cái chủ-ý; lần ngày đâm chán, rồi cũng xin nhập vào hạng thứ hai là hạng sau này.

Hạng thứ hai — Hạng này thì đông. Lăn lộn các nơi đã chán, tay sóc đã rồi; tay rút đã mỏi, rút cục lại: mặt xanh, mặt đỏm, sau nhà trước ngõ đã thấy một vài chủ xét-ty đi lại « cằn-thoản-lần », thì nhiều ông phân-nân rằng: muốn quay đầu lại cái đời chăm-chỉ, cần-ân của chủ học trò mà không sao được. vì nhiều ông quá dỗi bị cuộc đời bề tha từa qua nó ngăn trở lại rồi.

Tim cách bài-trừ cái hại, trước đây đã tốn bao nhiêu nhời, tao nhiêu giấy, chẳng qua chỉ nhảm tai! Vô-ích! thậm chưng là vô-ích! Chỉ bằng ta tìm ra cho rõ nguyên nhân của nó! có lẽ may ra được ích đôi ba phần chăng!

Vậy xin các ngài cùng nghe — nghe rồi nên ngâm nghĩ cho thâm trầm — mấy câu luận-thuyết của một nhà đại tâm-lý học, một nhà sư-phạm danh tiếng đời nay ở bên Pháp-quốc ta cụ Jules Payot, thì sẽ rõ tại sao hạng trên cổ nãi không thành, mà hạng dưới bị cuộc đời bề tha ngăn-trở là tại không xét kỹ cho nên mới bỏ tay xin chịu.

Le véritable antagoniste de la volonté persévérante ne peut être qu'une force continue. Les passions sont, par nature, transitoires; elles durent d'autant moins qu'elles sont plus violentes: à part les cas très rares où elles vont jusqu'à une fixité et à une force qui confinent à l'aliénation, leur intermittence ne nous permet pas de les considérer en elles-mêmes comme les véritables obstacles à la continuité de l'effort. Il y a place dans les intervalles de leurs accès pour une grande somme de travail. Mais il est un état d'âme fondamental, d'action continue, et qu'on appelle mollesse, apathie, paresse, fainéantise...

... Tout métier, toute carrière, quelque élevée qu'elle soit, ne suffit jamais pour sauvegarder la personnalité, la vigueur et l'énergie. Pendant les premières années l'esprit peut trouver à s'exercer activement. Mais bientôt le nombre des combinaisons nouvelles, le nombre et la possibilité des cas qui nécessitent l'effort de réflexion, de recherche, diminuent. L'accomplissement des fonctions les plus hautes et qui, en apparence, nécessitent de puissants efforts de l'esprit, devient purement affaire d'habitude. L'avocat, le magistrat, et le médecin, le professeur vivent sur un fonds acquis qui n'augmente plus que très lentement et très

Cái sức nào có vững được lâu mới thật cản được cái tri-muốn cương-ng nghị. Những cuộc mê man, vốn thực-tính thì có thời hạn ngắn thời, sức càng mạnh, thời hạn càng ngắn: trừ ra cũng có một đôi khi người ta mê-man đến không thể chuyển, đến thành dờ dại, nhưng mê-man như thế thì hiếm lắm; ngoại ra nó đã có thời hạn thì ta không thể cho những cuộc mê-man ấy là những cản-lực cho sức gắng liên-hợp của ta được. Trong những lúc mẩn nong thay đổi ta còn đủ thì giờ hành động được nhiều việc. Nhưng có một cái tâm tính sắc đáng nhất, mà sức mạnh rất liên-tiếp ta gọi là vô nghị-lực, vô sở thích, lười biếng, đại lãn...

... Bất cứ nghề gì, nghiệp gì, cao thượng đến đâu, cũng không đủ giữ cho hoàn toàn được nhân cách, mãnh quyết, tinh lực. Trong mấy năm đầu, trí-não còn có thể làm lung siêng-năng hăng hái! Nhưng chẳng bao lâu những sự giải quyết nhiều vấn đề mới, những trường hợp cần đến nghĩ ngợi tìm tòi càng ngày càng hiếm. Ra đương những việc rất to tát, bề ngoài tưởng rằng phải ra công suy-xét nhiều kỳ thực chỉ là một việc làm lâu thành quen. Từ thầy-kiện, quan-tòa, thầy-thuốc đến giáo-sư khi ra làm, thì tài học trước kia đã gây nên rồi, ít khi rộng thêm ra, hoặc chẳng rộng thêm ra được là bao. Cứ

rarement. L'effort diminue d'année en année — d'année en année s'épuisent les occasions de mettre en jeu les facultés supérieures de l'esprit. L'ornière est désormais creusée, l'intelligence s'émousse faute d'exercice, et avec elle l'attention, la réflexion et la vigueur du raisonnement. Si on ne se crée à côté de la carrière un ordre de préoccupations intellectuelles, on ne peut échapper à cet engourdissement graduel de l'énergie

D'après Jules Payot.
(L'éducation de la volonté)

Mon premier examen

J'avais six ans; et ma science se bornait à savoir lire un peu, écrire convenablement, et compter tout de travers.

Mon père trouva ce bagage insuffisant, pensa que le moment de me mettre en classe était venu. Il me conduisit à l'école, où la directrice m'annonça avec une autorité impressionnante, que j'allais avoir à subir un examen.

Tremblante et ravie, — car au fond je sentais la dignité de l'acte que j'allais accomplir, — je m'en fus donc, quelques jours après, passer mon premier examen.

La lecture marcha comme sur des roulettes. La directrice m'encourageait, tapotait mes boucles, prenait une voix douce.

L'écriture, quoique moins brillante, reçut encore son approbation. Déjà je reprenais espoir quand, par une fâcheuse inspiration, elle songea à l'histoire: — Savez-vous un peu d'histoire de France? — Oui, répondis-je, par erreur qu'un aveu d'ignorance ne me fit refuser. — Oh! Nous sommes déjà savante, c'est parfait. affirma l'excellente dame. Parlez moi donc du roi Clovis. Plus rouge qu'un coq, je dis à tout hasard: c'était un roi de France. — Voilà qui est parfaitement répondu, observa mon juge; et que fit-il, ce roi de France? — Ma pauvre tête commençait à tourner... Me raidissant cependant, je répondis: il monta sur le trône. — En effet, dit la conciliante dame; ensuite?

Je n'en pouvais plus, le poids de mon ignorance m'écrasait. Cependant; avec énergie du désespoir comme le noyé qui s'accroche à une branche, je criai: il en est redescendu? A ces mots, la directrice partit d'un tel éclat de rire que je compris l'énormité de ma bêtise.

YVONNE SARCEY

hết năm ấy sang năm khác sự suy-xét, khảo cứu kém dần — năm ấy sang năm khác lại gặp ít dịp để thi thố tài trí. Từ nay giở đi cái lưng đã đào thành rồi, tinh-thần vì không có công-việc nên cùn đi, rồi nhuệ-trí, tư-tưởng, sự-lý cũng theo mà cùn nốt. Nếu ngoài giờ đi làm không tự đặt ra môn học gì để bổ-dưỡng cho trí-thức, thế nào cái tinh-lực cũng dần dần chìm đắm, tiêu diệt mãi đi.

Trích mấy đoạn trong quyển:
« cách luyện trí muốn » của Jules Payot soạn.

Tú-Kinh

Kỳ thi thử nhất của tôi

Năm tôi lên sáu, cái sức học của tôi mới biết đọc diệc qua loa, viết-lách ngay ngắn, và đếm-diệc lằng nhằng.

Cha tôi thấy học-hành như thế chưa đủ, nghĩ ngay rằng đã đến lúc cần cho tôi đi học trường. Cha tôi giã tôi đến nhà trường thì bà-Đốc ra oai giống giặc mà bảo rằng tôi sẽ phải thi thử.

Tôi vừa run sợ vừa mừng thầm, vì trong lòng tôi cũng đã hiện cái quan-trọng của cái việc tôi sẽ được làm đến nơi, — thế là chỉ mấy hôm sau nữa tôi được thi lần thử nhất.

Đọc sách thì chơn như nước chảy (tuồn tuột như bánh xe). Bà Đốc úy lạo tôi, vuốt ve mái tóc tôi và nói năng ngọt ngào,

Viết chữ thì tuy không được lộng lẫy bằng, nhưng cũng vẫn được bà y cho. Đến đây tôi đã lấy làm hy vọng, nhưng dỗi sao lại sui nên bà lại nhớ ngay đến sử học: — Em có biết một chút Pháp sử không? — Tôi đáp rằng, thưa có, vì sợ thú rằng không biết thì không được vào học chẳng. — Bà rất tử tế bảo rằng, ui chà! thế ra ta đã là bậc bác-học rồi, được lắm. Vậy em hãy nói cho ta nghe chuyện vua Clovis nào. Mặt đỏ như gấc (như mặt gà sống) tôi mới nói liều rằng: ngài là vua nước Đại-Pháp. — Bà chấm cho rằng, Ủ, trả lời giỏi lắm đấy; thế thì ông vua nước Pháp ấy làm những gì? — Khốn nạn cái óc tôi bấy giờ mới rối chứ... Tôi đứng sững người ra nhưng cũng trả lời rằng: Ngài lên ngôi. Bà khoan hòa mà bảo rằng, phải đấy, thế rồi gì nữa?

Tôi không sao gượng nổi được nữa. cái giốt của tôi sức nặng đè gi tôi xuống. Nhưng tôi còn chút nghị-lực thừa trong cơn thất vọng, cũng vì như chết đuối vớ được cọc, tôi nói phăng ngay rằng: Ngài lại xuống ngôi, Vừa rút lời thì bà Đốc bật cười rầm lên cho đến nỗi tôi hiểu ngay được rằng tôi đã nhầm lỗi to đến thế.

Đ H H

VĂN THƠ

Thăm bạn hồng Thừa-phái

Tưởng bác công danh trắng nợ rồi
 Nào hay cũng dễ tiếng làm vôi!
 Cùn lòng đã biết mà theo sắt,
 Tham bổng ai ngờ lại hồng sôi
 Nghị định vì hay như nước chảy,
 Thừa hành chi đến nỗi cơm toi!
 Đường mây còn đó thênh thênh rộng,
 Đã có công đi hẳn kịp người

Bác Giáo sợ vợ

Cái oai Sư-tử nghĩ mà ghê
 Bác Giáo thôi thôi hết giờ nghề.
 Mảng tiếng trống chường vang tiếng sét,
 Phở râu ngán nỗi cướp râu dê.
 Thà đem nòng-nọc chia đôi đoạn,
 Nỡ dể thồn-bơn ếp một bề.
 Lối cũ tìm hoa tin bướm vắng
 Làm cho mốc thếch thú nhà quê.

Trách bạn

Chút nghĩa chi giao đã bấy lâu,
 Tin nhau ai biết phụ phàng nhau!
 Si thương hai chữ lời còn đó,
 Nghĩa hiệp nghìn thu tiếng dễ đâu?
 Bào, Quân gương xưa coi vẫn sáng,
 Lưu, Dương truyện cũ bỗng phai màu,
 Nhân tình thế thái âu là thế,
 Càng trải bao nhiêu lại bạc đầu!
 Vũ-Mộng-Hùng

Đi thuyền buồm

Một lá buồm câu gió thổi vèo,
 Sóng cuộn cuộn nước nước chong vèo.
 Cuối ghềnh cá nhầy chài quăng lưới,
 Đầu mỏm cò bay lái dậm chèo.
 Ngoảnh lại non Tây mây phủ kín,
 Trông về làng Bắc khói tuôn theo.
 Mũi thuyền đứng lặng hồn lơ-vơ,
 Nghe tiếng hồ khoan dạ nhạt phèo.

Năm 28 tuổi tự thuật

Bấm đốt tay xem nghĩ nực cười,
 Còn hai năm nữa chẵn ba mươi.
 Trên đường công-ích bao phen ruỗi,
 Trong áng phong-trần mấy độ chơi.
 Hò hét đã nhiều khi khản tiếng,
 Bôn ba từng lăm lúc đen người.
 Bốn nghìn năm nước còn chưa tỉnh
 Nào dám như ai vội chán đời.

Biệt-trung cảm tác

Trông vời Nùng, Nhị cách ngàn giâu,
 Cái cảnh sinh-ly cái cảnh sầu
 Muốn bước chân đi, khôn cất bước,
 Tìm câu dặng vời, khó nên câu.
 Gót mòn danh lợi, tang bồng nặng,
 Mặt dạn phong trần, tắc dạ đau.
 Thế vị tuy cay nhưng phải nếm,
 Lên lầu dể lại mấy giòng châu.

Mân-Châu

Tiền bạn phải đổi đi Đồng-dăng

Thay đổi vì đâu khéo đặt ra
 Để cho ngao ngàn nỗi đôi ta
 Tam-thanh cách trở bao lần thăm
 Ngũ-nhạc trông vời mấy dặm sa
 Phong cảnh dầu rằng phong cảnh mới
 Nước non đâu cũng nước non nhà
 Gửi nhờ hỏi lại nàng Tô-thị
 Bạn gái như cô được mấy à?

Hỏi chị hàng hoa

Có hàng quê quán ở nơi nao?
 Đầy bán đầy mua chớ cả cao
 Thực giá là bao hai nự cúc?
 Thành tiền độ mấy một bông đào?
 Trà-mi phong nhị từ bao thừa?
 Thạch-lựu khai hoa phỏng độ nào?
 Nay khách chơi hoa xin nhẩn nhừ
 Vườn xuân em hơi chớ ngăn rào.

Vạn-chuug Phạm-gia-Lộc

Dư - Luận

Sau bữa tiệc hàng năm cựu học-sinh trường Thông-Ngôn — Hanoi

Tôi được đọc mấy nhời của quý chi nói về cựu-học và tân-học ta ngày nay. Tôi lấy làm ý hợp lắm. Thực thế, ngày xưa người Tàu truyền bá hán-học cho ta thì ta theo hán-học, ngày nay người tây truyền bá âu-học cho ta thì ta theo âu-học.

Ta nhờ có hán-học mà trong nước có trật-tự, xã-hội có cương-thường, gia-đình có luân-lý. Vậy thì cái ơn của nho-giáo đối với ta cũng chẳng bé vậy. Nay ta nhờ có âu-học mà trí não thêm mở mang, kiến-thức được rộng rãi, vậy thì cái ơn của người tây đối với ta cũng là to lắm.

Ta nên có gan mà tự nhận rằng chúng ta còn thiếu, còn phải học nhiều mới mong mở mắt mở mày với thiên hạ được. Minh biết mình là nết rất quý, rất khó. Ta không nên chia đảng phái mà sinh ra phái nọ ghen ghét phái kia.

Cổ nhân đã có câu «tứ hải giai huynh đệ» trong bốn bể cũng là anh em ca. Câu nói quý hay, cao thượng thay! Huống chi người Việt-nam mình cùng con cháu Lạc-Hồng cả, ta lại càng phải coi nhau như con một nhà.

Quý chi có trích một câu trong một quyển của một người mình làm, đề chứng thực rằng phái cựu-học khinh dễ phái tân-học, đặt đề những nhời bậy không đúng sự thực, làm cho ngăn trở sự tiến hóa. Tôi cũng nhớ rằng có đọc câu ấy, nhưng tôi cũng chỉ coi làm thường không để ý, vì chẳng qua cũng chỉ là dư luận

của một người hợm rởm đó mà thôi. Nhưng xét trong tội nghiệp tác-giả, cho kỹ ra thì cái tội ấy cũng không phải ở tác-giả, chính là cái tội ở trong sự học nhầm mà ra. Mấy kẻ kiêu ngạo hay mắc vào tội ấy lắm, chẳng biết tý gì đã tưởng như không ai bằng mình nữa. Cũng như Vương-an-Thạch ở đời nhà Tống ngày xưa, làm đến Thủ-tướng, chỉ vì kiêu căng quá mà đến nỗi công việc hành-chính sai nhảm cả, nên sau người ta có câu chê rằng: «Bình sinh nhất thước hoàng ô thủy, bất tín Đông minh lãng ốc thiên» 平生一尺黄污水不信东溟浪天, nghĩa nôm là «Xuốt đời một duộc nước dơ, chẳng tin ngoài biển sóng to ngập giới».

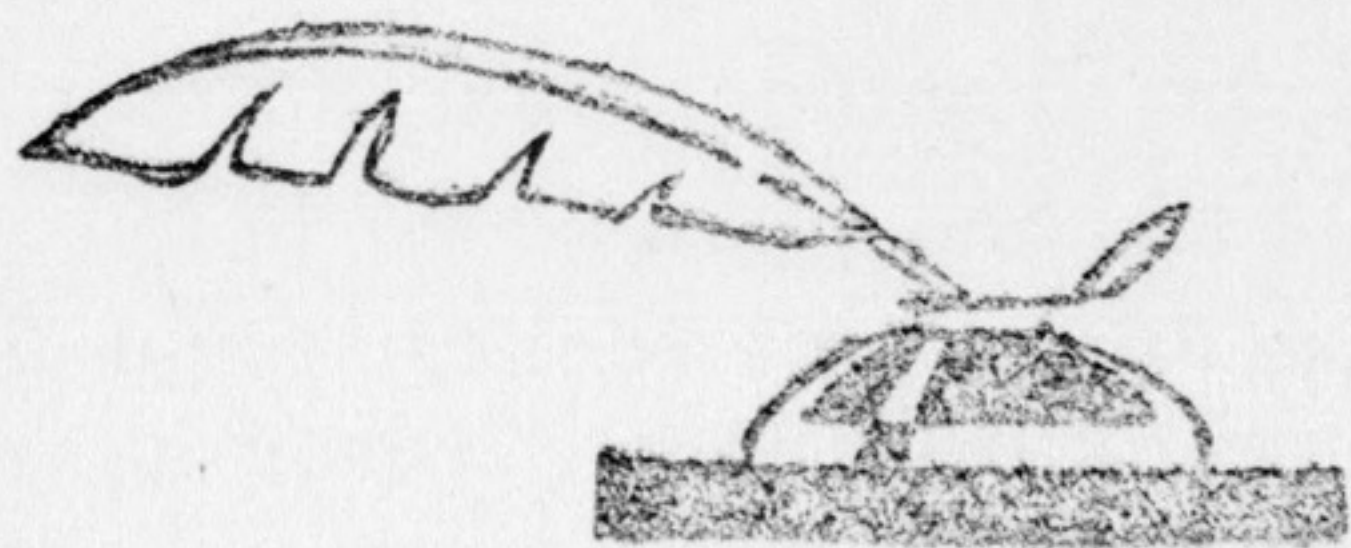
Những điều hay ta nên nhớ lâu, những điều dở ta nên quên hẳn đi không thêm nhắc đến làm gì nữa mà sinh ra hiềm khích. Tôi cũng xin đồng ý với quý chi mà cầu nguyện sao cho anh em ta vui chung một nhà Nam-việt học hành gắng gỏi lên cho bằng người.

Muốn cho được đủ tư cách con giai Nam-việt cho hoàn toàn, tất phải gồm thâu cả hai cái văn-minh cũ mới.

Vậy xin lạm nghĩ mấy câu nôm na sau này tóm tắt cái thiện kiến của tôi đề độc giả chú tâm lượng xét.

Kề mấy ngàn năm đất Lạc Hồng
 Mỗi ngày văn hóa một khai thông.
 Ngoài theo trí thức chiêu phong hội,
 Trong giữ luân thường nếp tổ tông.
 Cột vững khôn lay nền đạo đức,
 Gió lùa thêm mát mặt non sông.
 Bằng nay cũ mới ta hòa lẫn,
 Mới mỹ miên thay, cũ có công.

Tĩnh sỹ



Mây nhời trung cáo cùng các nhà chước-thuật nước ta

Tôi vừa được nghe hai câu chuyện « một ông nguyên Tổng-thống nước Mỹ, sau khi ông từ chức Tổng-thống rồi, ông lấy văn tự làm sinh nhai, có xuất bản một tập văn đăng báo hàng tháng, tính tiền nhuận bút, so với lương làm tổng-thống trong một năm, còn lợi hơn nhiều, lại một nhà triết-học mười ba tuổi nước Anh, khi cậu mới lên bảy tuổi mà đã có tài chước-thuật, cậu đã viết ra cuốn sách nào, là thuần nói về triết-lý cả, các nhà bác-học lão thành trong nước đều phải thán phục, mà cho cái tài học của cậu là tinh hoa của trời đất. » Văn người ta sao mà có giá-trị? sách người ta sao mà có tư tưởng thế nhỉ? Nên ta hàng ngày thường thấy cái công cuộc tiến-hóa của người Âu-Mỹ, bước tới lên một trình-độ rất cao, cũng là có một phần to bởi những nhà chước-thuật kia mà phát sinh ra vậy.

Hãy xem ngay mấy thế-kỷ về trước: có sách dân ước-luận, mới phát-minh ra chủ-nghĩa thiên-diên; có sách vạn-pháp tinh-lý mới gây dựng nên chính-thể tam-quyền; có sách nguyên phú, sách tự-do-mâu dịch, mà nền kinh-tế học mới bắt đầu phát-triển. mới thêu-dệt nên cái cảnh-tượng dân giàu nước mạnh của thế-giới ngày nay; xem đó ta sẽ thấy được cái tang-chứng hiển nhiên của những nhà chước-thuật kia thực có một cái ảnh-hưởng rất sâu-sa về đường tiến-hóa của nhân loại.

Nước ta từ khi học thuật thay cũ đổi mới, chữ Hán phải nhường quyền tin-dụng cho chữ Việt, dân ta đã dần dần tỉnh ngộ, người ta cũng đã biết cái học trực-tiếp bằng tiếng « mẹ đẻ » tiện hơn là học gián-tiếp bằng tiếng nước ngoài: thế là ta đã thoát được cái nạn nói mượn viết nhờ rồi, thời các nghề chước-thuật — là làm thế nào cho có được nhiều sách quốc-văn — của ta đây, thực là một vấn-đề rất mật-thiết trong buổi tân cựu giao thời này, thực là một vấn-đề ta không thể làm ngơ mà không nghiên-cứu đến được.

Ấy cũng vì lẽ đó, nên từ bấy đến nay, cũng đã nhiều nhà lưu-tâm về sự đó, cũng đã nhiều ông hết lòng đem cái nghề chước-thuật làm một cái thiên-chức của mình cần phải săn-sóc đến. Nay hãy xin tạm trừ một vài nhà tưng-thư không kể, còn ngoại giả: chỗ này lập thư quán, chỗ kia mở thư-xã, bốn chữ: « Giới-thiệu sách mới » các nhà báo hàng ngày cũng đã chịu khó tốn mực viết quảng-cáo: thế mà kịp đến khi xem đến nội-dung quyển sách, nếu dùng câu toàn trách bị ra, thì trong mười quyển cũng chỉ được một hay hai quyển là nhiều, là còn có thể gọi là quyển sách được; còn phần nhiều là giấy trắng, dòng mực đen không tiêu-thuyết phong-tinh, thời thơ ca nhảm-nhĩ, sách vở như thế, thử hỏi rằng có bổ-ích cho nhân-tâm thế-đạo được chút nào không? Ông Bageot, là một nhà chước-thuật nước Anh có nói: « Sách quý nhất là sách có thể đọc được. » sách vở của ta như thế, thử hỏi rằng có thể gọi được là « sách đọc được » không? tôi xin mạn phép giả nhời một câu này: Sách vở như thế, không những đối với nhân-tâm thế-đạo không có bổ-ích gì, mà dấu bảo rằng học thức bởi đó mà thêm hẹp-hòi, phong hóa bởi đó mà càng suy-dồi, cũng không phải là quá đáng vậy.

Tôi vẫn biết những nhà chước-thuật mà tôi vừa nói đây không phải là không có những tay tài cao học rộng, đủ làm được một vài quyển sách đứng-dắn, để giúp cho nền học thuật nước nhà. Song mục-dịch của các ông phần nhiều là chỉ vì tư-lợi xem chừng hể món gì mà sẽ được phần đông bọn đàn bà, con trẻ — tôi không giám nói cả bọn — hoan nghênh, là lợi dụng ngay được, rồi viết ra từng trang, in ra từng đóng, miễn sao bán cho chạy. thu cho được nhiều lợi thì thôi, còn sách của mình thì có quan-hệ về đường học-thuật của quốc dân thế nào, thời không hề nghĩ tới nữa: trách sao mà chữ hiệu sách nhà in thời nhan-nhãn như bát úp, mà muốn tìm lấy một quyển sách

gọi là « Sách có thể đọc được » thời vắng ngắt như sao buổi sớm.

Hoặc có người bảo rằng : nước ta bây giờ, những sách xuất bản không được thiết thời, Xem bài diễn văn của quan Toàn quyền Robin đọc kỷ niệm đồng dân-biểu về hồi năm 1930. Trong có một đoạn ngài nhắc về sự làm sách ở xứ này, ngài chê những sách của ta làm bây giờ không có giá-trị gì cả, những sách hay không mấy người dám xuất bản vì sự ế không có lợi. Khoảng năm 1926 nhà nước đã cho phép lập ra một bộ chức-thuật gọi là : « Âu tây-tư-tưởng » mục đích là để đem những tư-tưởng hay của học mới mà truyền-bá cho dân-gian. Xem thế ta thấy được rằng những tư-tưởng mới lạ mà có thể bổ-ích cho đường tiến-hóa của ta thời không những chính-phủ không hề ngăn cấm bao giờ, mà lại sẵn lòng thúc-dục cho ta

làm nữa. Vậy ta nên thể cái ý tốt ấy, để làm cái phương châm chức-thuật. Nếu ta đã định viết ra quyển sách nào, dù lý tưởng cũ hay lý tưởng mới; chức-tác hay dịch-thuật mặc lòng, cũng phải nên cân thân lựa trợn mới được. Vì quyển sách vì như một người bạn, người ta chơi với kẻ hay thời được hay; người ta chơi với kẻ dở thời tất thành dở, sách của ta có hay, thời dân trí ta mới mong sẽ có một ngày kia mở mang thêm ra được chứ. Các nhà chức-thuật ta nghĩ sao ?

Tôi viết bài này, thực là bình-tĩnh lập luận không có ý gì thiên lệch cả, xin các nhà thức giả lượng cho.

Đông-Bạch

Phạm-phan-Đĩnh

THẦY ĐỒ TÔI

Không thầy đố mày làm nên

Phương - ngôn

Thầy đồ tôi tên gọi là Nguyễn-văn Khoan, tức danh là ông đồ hàng Đậu.

Thầy đồ tôi mất, cách đây đã ngoài mười năm rồi

Nhắc đến thầy đồ tôi, lòng tôi chịu một sự cảm động rất phiền phức mà não nùng: phần tiếc thương ông thầy học cũ, đã bắt đầu mở lòng cho mình trước nhất. . . .

Ngọc bất trác, bất thành khí.

..... phần ái ngại cái tình cảnh ông đồ nho nghèo trong lúc hán học về chiều.

Nhất là mối cảm tình thứ hai này, thực nó kinh động lòng tôi ngay từ khi mới thoát vào làm học trò thầy đồ tôi, bấy giờ tôi còn nhỏ dại mà đã cảm thấy điều đó, đủ biết cái nông nổi nhà nho buổi

này buồn tẻ là nhường nào ! . . . cho đến bây giờ nghĩ lại cũng vẫn thấy cái cảm giác tiêu-diệu..... Ôi, nhà nho bây giờ có khác gì một pho tượng tô vàng đã cũ bị vất bỏ ở số chùa !....

Hồi tưởng cái cảnh nào lòng đó, tôi còn nhớ được rõ cả những điều tất vật không đâu, hết thấy vẫn in sâu trong trí nhớ tôi rất rõ ràng... Vẫn rõ ràng mà thực thì ngày nay còn có gì nữa đâu, vì trải qua một thời hạn mười năm, lâu lắm rồi.

Ôi, cái thực-tài của cuộc đời có lẽ là cái ký ức chẳng ngoài ra bào-ảnh cả.

Nay tôi nhớ rõ rằng :

Cái nhà thầy đồ tôi ở, trường học của chúng tôi.

Trước hết tôi trông ngay thấy cái cổng tre nhỏ làm bằng hai gióng tre đực dài độ hai thước tây

một đầu chôn xuống đất, một đầu đục lỗ cho suốt ngang để treo cái cánh cổng nặng nề đan thuần bằng cành tre gai. Ban ngày cánh cổng trống lênh đênh lấy lối ra vào, tối sập xuống. Hai bên cổng là hàng rào hoa ông Bụt.

Bước vào trong cổng là một cái sân rộng, đất nứt nẻ mốc meo, phần thì có mầu-chầu lan kín, phần thì hoa cứt-lợn mọc đầy, lại ngổn ngang mấy bó củi lau... Sân vừa bẩn vừa vắng tanh, ngoài mấy chách gà rú ri bới sâu, tịnh không có cảnh giả mực súc gì khác nữa.

Sân tiếp với ba gian nhà lá dựng gượng trên cái nền đất long lở. Nhà, mái đã rách tả tơi, lấm chỗ bông nom thấy mây; vách nửa trát bùn, ngoài nhiều nơi đã trụt, còn thì mưa hắt, rêu sanh... Trước gian giữa che một tấm rại dai từ lâu đã rỉ nát.

Trong nhà, gian giữa có bàn thờ, gộp nào Tam phủ, Tứ-phủ, nào phật Quan-âm, nào thần Độc-cước, lại cả Văn-tuyên thanh-vương Khổng-phu-tử nữa!... Có phải thầy đồ tôi học-hức mà ngu dốt dàu, chỉ vì thầy đồ tôi nề chiều cô đồ tôi mà trong nhà có cái bàn thờ ly-kỳ như vậy. Trước bàn thờ kê bộ ghế ngựa bằng gỗ dổi bào sơ-sài, trên dãi chiếc chiếu hoa... à quên! chiếc chiếu cói trắng, nhưng vì lâu ngày giầy son, giầy mực loang lổ như hoa. Giường đó vừa là chỗ lễ bái, vừa là chỗ tiếp khách, lại vừa là chỗ thầy đồ tôi giảng sách, chấm bài buổi sớm. Trên giường bày la liệt, nào tráp, nào đĩa, nào ấm, nào chai, nào nghiên son, đĩa mực, lại nào mấy quyển sách cở bìa đen, thầy đồ tôi đọc cả ngày... Gian bên tả, kê mấy chiếc phản dài, chung quanh đặt mễ, chỗ chúng tôi ngồi học viết. Còn gian bên hữu thì nào giường tre, màn vải sô ám khói, hòm long nấp, bị gạo. Buồng ngủ của thầy đồ tôi... ở buồng ngủ ra có lối thông xuống bếp.

Trong bếp nào lò dậu, trên bắc cái chảo gang to, nào túi vắt dậu treo lủng lẳng từ trên sà bếp thả vào trong chảo, nào cối say dậu, nào cần nước, vại nước, chuồng lợn... Bếp đun bằng củi lau tro than ngập đất, khói nhiều bốc lên mái, bám đặc cả vào các màng nhện, dỏ lòng thông như thao nỏn... Ngồi đun nấu trong bếp, không phải tay quen, khó lòng mà chịu được khói, bụi và cái hơi cần nước chốc chốc thoảng đưa lên...

Suốt trên nhà dưới bếp, trong số ngoài hiên, chỗ nào cũng dóm dếch tối tăm, chỗ nào cũng phảng-phất cái khi vị tiêu-diêu lạnh lẽo của nhà thầy đồ nghèo. Tuy nhiên, nhờ có cặp mắt thông minh và cái nụ cười hồn-hậu của thầy đồ tôi mà trong hoàn cảnh đó lại thành ra ản có cái phong vị êm-dềm mà nghiêm-cẩn, có cái ánh sáng chong suốt mà thanh cao như khi ấm mùa xuân, ánh sáng mùa xuân.

Thầy đồ tôi khi đó chừng năm tư năm nhăm tuổi, người gầy-gò, ngăm ngăm da dàu, vẻ mặt hoà nhã. Hai mắt sáng như sao, trán cao mũi thẳng, râu đen; lứa thừa buông xuống ngang ngực.

Thầy đồ tôi ít nói, mà nói câu nào tất đã có nghĩ trước nghĩ sau. Tính thẳng như gió trúc mà lại rất nhân-từ, dù khi giầy bảo hay trách mắng cũng rất dịu-dàng. Ấy thế mà tự-sử thì cực nghiêm. Ở trong nhà cũng như đi ra ngoài, trừ những lúc làm lụng, cất nhắc các việc nặng-nề, thầy đồ tôi đều khăn áo chỉnh tề, khi đứng khi ngồi, ung dung ngay-ngắn như chép theo một cái khuôn mẫu nào tuyệt-phẩm. Ăn uống thanh-dạm, ba bữa cơm rau, quanh năm như một ngày. Một đời thầy tôi là một sự cố công gắng sức chiến-dấu với cái nghèo và thực hành nghĩa-vụ. Đôi khi có chút thì giờ nhàn, chỉ ngâm thơ tiêu-khiển, còn những cách giải-trí phong lưu như rượu chè, bài bạc, thầy đồ tôi tịnh không biết qua! Người như thế có nhẽ quê lắm nhỉ?

Thầy đồ tôi nhờ có vợ hiền giúp đỡ nên cảnh tuy nghèo mà thực êm dềm,

Cô đồ tôi người nhỏ nhắn tươi-tĩnh, tuy vậy mà rất có can-dảm, thường vẫn biết đem cái nụ cười vui phận mà đối phó với hết thầy sự khó-khăn của cảnh-ngộ. Cô đồ tôi làm dâu-phụ là một "ghê vật-vả" mà lối ít, ngày nào cô tôi cũng giầy sớm mờ đất, mà tối nào cũng quá nửa đêm mới đi nghỉ, làm quần-quật suốt ngày, lại nào chạy ngược chạy xuôi, mua mua bán bán, vậy mà nét mặt cô tôi chớ hề lộ cái vẻ nhọc nhằn có thể làm cho thầy đồ tôi trạnh lòng. Ngày nào cũng như ngày nào, mưa dầm thấm thối cũng thế, mà nắng cháy sém da cũng vẫn thế. Ôi, cái gương hiền-phụ đó, mười lăm năm trời nay mắt tôi không thường được thấy nữa, vậy mà nghe dâu phụ-nữ nước nhà nói văn-minh, nói tiến-hóa nhiều lắm kia đây. Cô đồ tôi làm ăn vất-vả, giải nắng, dàu mưa như

thế nên lâu ngày tiêm-nhiễm thành mắc phải chứng đau bụng kinh-niên.

Thịt da ai cũng là người

Mỗi lần cô đồ tôi nổi cơn đau thì trong cái gia-đình êm-ả lại như qua một cơn gió thảm mưa sâu...

Hai thầy cô đồ tôi sinh được có một con trai, chúng tôi vẫn gọi là anh Lương. Anh Lương người chậm-chạp, ít nói, tối già, mười bốn tuổi chưa học hết sách Tam-tự-kinh, thầy đồ tôi vẫn lấy làm buồn, nỗi buồn pha lẫn biết bao sự thương ngấm.

Gia-đình nhà thầy tôi còn có một bố già hay say thuốc lão nữa, là bốn người.

Hôm nào sáng sớm, anh em chúng tôi cũng đã cíp sách đến nhà trường. Thầy đồ còn ngủ. Chúng tôi lẳng lặng để sách lên bàn, rồi cất nhau anh quét nhà, anh đun nước, anh mài son, vui vẻ nhộn nhịp hơn việc nhà. Bấy giờ cô đồ tôi đã làm xong mẻ đậu, sắp sửa đi chợ.

Đậu phụ nóng, chúng tôi, anh nào có xu góp nhau mua mở hang cho cô đồ, rồi chia nhau chấm muối ăn lót dạ, đó cũng là một cách đỡ cô đồ.

Bấy giờ hơn thầy đồ tôi dậy, nước nôi song thì buổi học bắt đầu khai giảng. Hơn mười anh em cùng học một lúc, nào Hán thư, nào Tam-tự, nào Dương-tiết, nào Minh-tâm, ề a vang cả hàng xóm, Một lúc lâu chừng bụng đã đói, miệng đã môi, tiếng ề a thưa dần, rồi bắt đầu sang tập viết. Người nào học khá rồi thì viết phóng, viết tô chữ son, như chúng tôi mới học thì chỉ được dạm những chữ khắc vào mảnh ván nhỏ cho quen tay và cho đỡ tốn giấy. Gần Ngọ thì về, Buổi chiều ba giờ lại bắt đầu học viết đến năm giờ.

Thầy đồ tôi bắt học thuộc lòng sách thì ít, mà nói chuyện cho học trò nghe thì nhiều. Câu truyện giáo-dục, ý vị thâm trầm mà rất vui tai, nhất là cái tiếng nói của thầy tôi thực nghe không biết chán, nó chứa chan những khi-vị nồng nàn.... Câu truyện giáo-dục tựa như lối của Charles Waguer nước Pháp vậy.

Thường những lúc trò-truyện đó, bố già Chước cũng góp vào những truyện hay; tiếng bố già nói giọng một, lại ngấm pha cái vị hài hước rất vui. Thầy đồ tôi mỉm cười một cách khoan-dung, chỗ nào bố già nói sai hay quên thì thầy đồ tôi lại sửa lại, hay nói tiếp vào. Nhờ thế mà thầy mến trò, trò kính thầy, chủ nhà thân với người làm, người nhà gần gũi chủ nhà, tình-ý âu-yếm, không có

chút gì là lạnh lùng cách bức.

Ôi, cái cảnh nhà trường cổ, tuy không trang nghiêm lẽ lối, song thực đầm ấm phong-lưu vô cùng, mà tôi thiết tưởng còn bổ ích cho sự giáo-dục cảm-tình của thiếu niên nhiều lắm...

Tôi nhập học thầy đồ tôi được hơn một năm thì thầy đồ tôi bỗng mắc bệnh thũng mà chết. Lại khổ một nỗi nhà thầy đồ tôi vừa bị hỏa-hoạn, nên lúc thầy đồ tôi nằm xuống chả còn có một tí gì. Cảnh huống đoan trường quá: Tôi còn nhớ khi thầy đồ tắt nghỉ, tôi cùng anh em chạy vào thăm, thấy thầy đồ tôi nằm trơ trơ trên cái trống tre trong túp lều lúp-súp, mặt phủ tờ giấy bản, trên bụng để con giao dừa, hai chân bọc hai tờ lá khoai, chung quanh chiếu rách, chắn toại, ngồn ngang thê-thảm... Cô đồ tôi, hết chạy ra lại chạy vào, loanh-quanh khóc mếu. Anh Lương ngồi lẳng lặng cạnh chân giường, mặt lạnh ngắt vì buồn...

Ôi cái chết !... Ta tuy chưa thấu rõ nghĩa cái chết là gì, song bất cứ nơi nào, hễ cái chết đi qua là bầy ngay ra một cảnh tàn phá, tan hoang, một cảnh quạnh hưu lạnh lẽo, khiến cho chí ta phải hãi hùng ngơ-ngẩn, lòng ta phải thê-thảm bồi hồi...

Cuộc đời là gì nhỉ? Phải chăng là một cái sắp bị cái chết nó tàn-phá tan-tành? ; ; ...

Ông đồ tôi mất đã cách nay ngót hai chục năm trời rồi. Nhưng cảnh tượng khi ông đồ tôi còn sống tôi vẫn nhớ, cả cái hình dung, tiếng cười, giọng nói, cả cái dáng đứng điệu đi, cả cái cảnh học đường êm ái tôi tiếc vô cùng....

Nhưng thực ra thì còn có gì nữa đâu!

Ngay cái chỗ thầy tôi ở trước, nay cũng chả còn ghi-tích gì, và trái kể đã bao nhiêu chủ ở rồi. Tuy nhiên kể đến sau nhằng nháo vị tất đã ngờ rằng trước kia có ông đồ Nguyễn-văn-Khoan đã ở đất này.....

Thầy đồ tôi mất rồi! ... Cô đồ tôi cũng mất từ lâu rồi bố già Chước cũng say thuốc chết từ lâu rồi... Anh Lương thì học hành dở dang, lênh-dênh chôi-nổi, nghe đâu hiện nay phải đi ở cho một nhà giàu dưới phủ Đoan-Hùng...

Ôi, viết đến đây, lòng tôi đau-đớn, lặn-ngần không biết nói câu gì, đành chỉ thở giải, đưa cặp mắt âm-thầm nhìn ra cõi đời, trong lòng nặng-nề những thất vọng...

Trải qua một cuộc bể dâu.

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng

Nguyễn-lan-Khai

QUAN ÔN

Một lá cờ to bằng cái chiếu đề bốn chữ « thiên quan từ phúc » bay phấp-phới trước gió, trông cũng đã đủ khiếp quân tướng nhà giời. Trên đàn, đứng giữa hai ông tướng mặt trắng, mặt đỏ, có một vi tiểu-anh-hùng bé nhỏ cười con xỉ trắng. Ông tướng nhỏ ấy có lẽ là quan lớn Ôn ?

Quan-Ôn ngài đi chầy, ngài bắt lính... Đứng sau ngài một đội quân bông súng, cũng « uy-ni-phước », cũng xe thần-công, lại đeo thêm một con voi với chiếc thuyền rồng, chắc quan lớn muốn dung hòa kim cổ ?

Những người có học thức thì không ai biết đến quan lớn, nhưng những « người trần mắt thịt » thì biết rõ lắm. Mỗi năm cứ đến đầu mùa viêm-nhiệt là cũng lễ đề tiên-ông các quan.

Cái lễ ấy tưởng dân càng văn-minh thì càng mất đi, ai ngờ lại ngày thêm long trọng. Ở Hanoi không phố nào không làm lễ cầu mát, cúng cấp luôn mấy ngày đêm ! Ôi ! cái ngu dại của dân ta bao giờ mới hết.

...

Quan Ôn ! Quan Ôn chẳng qua là một giống vi-trùng, vi-trùng nhỏ tí-tí giải từ 6 đến 8 phần nghìn của một ly tây (de 6 à 8 millièmes du millimètre), sống ở đồng phân, sọt rác, trong chỗ đất bùn bần thối, trong nước rãnh tù, hay ở trong quần áo ẩm mục và khắp trong không khí. Vi trùng ấy sức không chịu được nóng, ở một nhiệt-độ 56o trong một giờ thì chết. Các thuốc trừ trùng dùng cũng có công-hiệu lắm. Quang-tuyến X và quang-tuyến Ultra Violets giết được rất dễ-dàng.

Cả Pasteur là người đầu tiên đã biết nguyên nhân nhiều bệnh là bởi có vi-trùng, sau khi đã tìm thuốc trừ được vi-trùng bệnh dại và vi-rùng bệnh than (charbon), cụ có được cử đi chữa bệnh này nhưng mà vô hiệu.

Người thứ nhất đã tìm ra vi-trùng thổ tả là bác sĩ Robert Koch. Bác-sĩ người Đức, sinh tại Klausthal (Hanovre) năm 1843, thác năm 1910, chuyên-môn về vi-trùng-học, đã xuất-bản nhiều sách nghiên-cứu về bệnh ho lao rất có giá-trị.

Bác-sĩ tìm ra vi-trùng bệnh tả năm 1884 ở Hải-cảng Alexandre thuộc nước Ai Cập, gọi tên là vi-trùng dấu phẩy (bacille virgule) vì vi-trùng ấy cong (vibron) giống cái dấu phẩy, trông như thứ lông ở đầu con vi-trùng khác, đủ biết vi-trùng bệnh tả nhỏ là bao nhiêu.

Bệnh ấy sinh ra lần trước tiên ở Jessore thuộc Ấn-độ, 1817, rồi lan sang Ba-tư (Perse) Cô-ca (Caucase) mãi đến năm 1823 mới rút. Lần thứ hai thì những người chày hội ở tỉnh Méc (Mecque thuộc A-rập) đem rắc vi trùng sang Ai-cập, Công-tăng-ti-nốp (Constantinople) và Bảo-gia Lợi-Á (Bulgarie) Chính nước Pháp bị lây bệnh ấy vào lần thứ hai này, từ tháng ba đến tháng một năm 1832, vi-trùng tả giết ở kinh-đô Ba-lê 18.600 người rồi lan đi 51 tỉnh làm hại hết 60 vạn mạng. Một nhà đại chính trị dưới đời vua Louis Philippe là quan Thượng thư Casimir Périer bị bệnh tả mất ở Paris năm 1832. Lần thứ ba từ 1846 đến 1861, bệnh hoành-hành ở nước Tàu ở An-giê-ri (Algérie) và khắp châu Âu; Nước Pháp bị nạn hai lần : 1849-1853. Lần thứ tư, thứ năm v. v... tưởng không cần phải kể nữa. Lần cuối cùng thì bệnh lại bắt đầu từ Ấn-độ năm 1902, rồi sang Méc, năm 1903 sang Ai-cập. Tiểu á Tê-á (Asie Mineure) và phía Nam nước Nga. Luôn mấy năm sau, ở phía Nam nước Nga lại phát hiện, tính đầu đuôi từ 1905 đến 1910, nước Nga tổn mất 35 vạn người. Rồi bệnh truyền sang Phổ (Prusse) sang phía đông nước Áo, sang Hòa-lan sang Bỉ. Mấy nước này đem hết phương pháp vệ-sinh ra đề-phòng nên số người chết cũng ít thôi. Đến 1910 vi-trùng vượt qua dãy núi Alpes, chàn vào nước Ý, đến 1911, ghé bến Mạc-Sây (Marseille), thừa thắng lên mãi Mông-Pen-Lê

(Montpellier), Ghê gồm lắm. Đến kỳ thể giới đại chiến, ông quan Ôn nhỏ-nhi cũng kéo quân ra giết hại một cách thảm-khốc những dân vùng bờ bể các nước Thổ (Turquie). Tắc (Serbie) và Bảo (Bulgarie). (1)

Duy có cái nước chữ S bị bỏ quên ở phía đông bán-đảo Đông-dương này thì không biết các quan Ôn chảy đến từ hồi nào?

Không biết ngài ở phương Tây trèo núi chàn sang? hay ở phương Đông đáp tàu tiến lại? Thật đáng ngán!

Song cứ lấy lịch-sử mà xét, thì có lẽ người Tàu đem rắc sang nước ta trước nhất.

Năm 1849, (2) nghĩa là năm nước Tàu đương bị thống-khổ về bệnh dịch tả, có một bọn giặc Ngô-Côn của Thái-bình Thiên-quốc, chiếm cứ đất Quảng-tây. Đến năm 1865, giặc Tàu chàn sang ta chiếm đất Cao-bằng Lạng-son, Tuyên-quang, Thái-nguyên, Bắc-ninh. Sau khi Ngô-Côn chết, dư đảng chia làm hai bọn Cờ-đen và Cờ-vàng, tương hai bọn là Lưu-vĩnh-Phúc và Hoàng-sùng-Anh đánh nhau kịch-liệt. Trong sử có chép là quân Tàu bị bệnh thời khi chết mất nhiều.

Ta lại xét tình hình nước ta độ ấy: Suốt từ năm Tự-đức thứ sáu trở xuống, luôn luôn có những thiên tai, úy thủy, dân chết đói vô số, giặc cướp nổi lên tứ tung. Tạ-văn-Phụng tự xưng là người nhà Lê nổi lên đánh phá sau hiệp với quân Cai-Vàng.

Thế mà bệnh dịch tả hề được lên hiệp với sự hiến tranh, sự nghèo-khổ thì thắng cánh giết không biết cơ-man nào mà kể. Vậy ta có thể chắc được rằng: nước ta có vi-trùng tả từ năm 1865 hay trước đấy vài năm.

Người ta bị bệnh ghê gớm ấy hoặc tại trực-tiếp với người ốm, hoặc tại ở gần họ nên bị lây. Vi-trùng tả thường sống ở trong nước, ở quần áo, ở các thức ăn, nhất là ở trong sữa chín (lait bouilli). (Các thứ rau ta thường ăn sống và hoa quả chín dùng cũng không nguy hiểm lắm, nhưng về mùa viêm nhiệt thì nên kiêng). Lại các giống ruồi bọ đem vi-trùng đi cũng nhiều lắm; Con vi-trùng thường bám ở chân nó, hay chui vào vôi nó mà sinh sản trong các cơ-quan.

Những người nào nghiện rượu, vừa ớn dậy, ăn không đủ, lạ thủy thổ, ở chỗ đông người và những người nghèo khổ cần phải giữ gìn lắm.

Bệnh tả thường sinh ra về mùa viêm-nhiệt hay những khi giờ nóng-nực thất-thường.

Người mắc bệnh chỉ từ một vài giờ cho đến năm ngày thì chết. Song cũng có người khỏe-mạnh bị lây bệnh ấy, vi-trùng đánh lộn với cơ-quan lâu lắm mới thắng, thì bệnh-nhân có thể sống được đến 15 hôm, 6 tuần-lệ, hay 2, 3 tháng cũng nên. Những người khỏe như thế hiếm có lắm, ở nước Nam ta không chắc có người nào.

Bệnh tả có thể chia được ra làm ba thời-kỳ.

1.) Lúc đầu thấy đau bụng, đi ngoài thấy phân lỏng. Song bệnh nhân vẫn có thể đi lại, ăn uống được như thường. Thời-kỳ ấy rất nguy-hiểm cho người khác, có thể dai-dẳng được đến 5, 7 ngày.

2.) Bệnh-nhân đi ngoài luôn, bao nhiêu thứ ăn chứa trong bộ máy tiêu-hóa bị tống ra ngoài hết, chỉ còn một chất lỏng không có màu gì, không có mùi gì, trong có vẩn những chất nhỏ trắng trắng như hạt cơm. Bệnh-nhân bắt đầu nôn-ọe những thức ăn tiêu dở, có màu xanh hay nâu hay đen, thấy khát khô cổ đau ruột dữ-dội; tiếng nói sẽ đi, thân thể gầy trông thấy, mắt hóp lại có quầng đen, mạch ở tay hình như không có nữa, vì trông phát-huyết-quản, không có máu, nhiệt độ trong người xuống đến 10 hay 50, tay chân lạnh ngắt, rần rúm, co quắp lại, xương tủy đau nhức, ruột nóng như đốt, nước tiểu rất ít, hô hấp khó khăn, bệnh-nhân thường bị chết ngạt. Thời kỳ ấy chỉ trong một vài giờ là chết, có khi lại dai dẳng đến một vài ngày. Sự dai dẳng ấy càng thêm nguy hiểm.

3.) Cũng có khi may ra, người ốm dần dần đỡ lạnh, thưa đi ngoài mà phân đặc hơn trước tiêu-tiện được. Song những người mắc bệnh tả lúc khỏi đi ngoài, thường bị bệnh sốt rét dữ mà chết cũng nhiều.

Nhưng không phải ai mắc bệnh dịch tả cũng thế cả. Có người đi ngoài mà không đau bụng

(1) Các tên dịch theo chữ nho là những tên đã thông-dụng rồi, còn đều dịch theo nguyên-âm cho tiện.

(2) Tự-đức nhị niên.

và nhọc, có người phân trắng mà không co-quắp chân tay. Như thế, chỉ trong một vài giờ là chết. Lại có người mắc bệnh tả khô (choléra sec) nghĩa là mắc bệnh tả mà không đi ngoài, vì lòng ruột bị liệt.

Bệnh tả kịch liệt hay không cũng tùy chỗ. Một dân tộc yếu đuối, nghèo khổ, bẩn thỉu mà mắc bệnh ấy thì nguy-hiểm vô cùng.

Bệnh tả tuy có hơn một thế-kỷ nay mà thuốc trừ bệnh ấy vẫn chưa có ai tìm ra cả. Tuy trong lúc cấp người ta cũng chữa như bắt người ốm nhón đói, cứ ba giờ lại tắm một lần hai mươi phút bằng nước nóng 40° lấy vải khô cọ mạnh vào bắp thịt cho chân tay khỏi co-quắp, đắp chăn cho bệnh nhân và đặt kèm vào mình những bầu nước nóng để người khỏi lạnh, và cũng cho thuốc đắp, thuốc uống, nhưng vẫn vô hiệu. Hiện bây giờ chỉ có mấy thứ thuốc đề phòng: năm 1885 có Ferran, và năm 1894 có Hoffkine tìm ra thuốc tiêm trước nhất. Ở châu Á (Trung-Hoa, Ấn-Độ, Ba-Tur) và ở Nga Powell, Koll và Nijland tìm ra thứ thuốc khác cũng hơi có hiệu quả. Hồi chiến tranh ở bán đảo Ban-căng (Banlkan) năm 1912-1913 có dùng tiêm cho quân-sĩ nhiều lắm. Đến năm 1912 Nicolle và Conor (ở Tunis) tìm thứ thuốc tiêm vi-trùng sống vào mạch máu. (1). Trong hồi đại chiến quân sĩ mỗi nước dùng một thứ thuốc tiêm khác, ở nước Pháp gần khắp mỗi người dùng thuốc của Vincent. Thuốc ấy nuôi năm giống vi-trùng rồi lấy tinh dưỡng giết chết, mà chế ra. Ai dùng phải tiêm lần thứ nhất hai phân khối (2cm³) cách năm ngày sau tiêm lần thứ hai hai phân rưỡi (2 cm³ 5) ở Đông-Pháp ta thì thứ thuốc tiêm Yersin thịnh dụng. Bác-sĩ Alexandrie Yersin người pháp, sinh năm 1863 có tìm ra thứ vi-trùng bệnh dịch (peste) gọi tên là vi-trùng Yersin.

Nhưng người ta không nên chờ nước đến chân mới nhảy. Mắc bệnh rồi mới nghĩ đến việc tìm thuốc thì khó lắm, chỉ bằng từ lúc chưa có bệnh ta phải tìm cách ngăn ngừa. Muốn đề phòng không gì bằng phải giữ phép vệ-sinh cho cẩn thận. Trước hết ta phải để ý đến các thức ăn, vì bệnh theo miệng mà vào, những thức ăn sống

như quả sanh, những đậu có chất men, như dưa cải (choucroute) những gia-vị mặn quá đều dễ đưa vi-trùng vào người được. Rau sống nên dội qua một lượt nước nóng. Quả chín lắm ăn cũng được, nhưng nên ăn ít. Nước uống cần phải đun sôi kỹ, nếu là nước giếng thì nên lọc đi. Các thứ uống có men nên đun cách thủy lên tới 70°; nếu uống được cà-phê thay rượu thì nên dùng cà-phê. Chớ nên uống nhiều nước lạnh như nước đá, nhất là như rượu (cidre) rượu bia. Muốn dùng sữa thì phải đun cho thật kỹ hãy uống. Sau thức ăn thì đến quần áo, bất cứ về mùa nào, ta cũng cần mặc áo cho đủ ấm, chớ có đi đất, vì đi đất lạnh chân. Phải cẩn thận lúc buổi chiều khi giờ thay đổi, chớ có mở rộng cửa buồng ngủ quá để đến nỗi lạnh (nhưng buồng ngủ cần phải thay đổi khi giờ luôn) Tóm lại là sự lạnh cũng dễ khiến cho vi-trùng sinh sản trong cơ quan mình được; nên rửa tay súc miệng và tắm táp. Trước khi ăn cơm, nên tập thể thao ở chỗ thoáng khí. Con nhà thể-thao thường nhiều khi tránh khỏi bệnh ấy. Nhưng chớ có bao giờ tập nhiều quá, hay làm quá sức, thức đêm chơi bời quá độ để thân thể phải nhọc mệt. Lại cần nhất là phải giết muỗi giết ruồi bọ. Nhưng giống ấy trên kia đã nói, đem rắc vi-trùng khắp cả các nơi. Về phương pháp vệ-sinh chung, phải ném dơ rác ra một chỗ thật sa nơi ở, đổ vôi bột lên. Nhà ở chớ để chứa đông người quá. Phải để ý đến những hành khách các nơi lại, phải khám xét đến những ống nước và những hoa quả thường bán... Nhớ ra mà bệnh bắt đầu nhóm thì phải tẩy uế phòng ngủ và những quần áo của người ốm phải giữ cho vi-trùng không lây rộng ra được nữa.

Đó, ai tin nhờ tôi nói là thực thì tất tin rằng những dân chàng lễ cầu mát tức là cái lễ mời ông vi-trùng thổ tả đến giết mình; các thức ăn; các hoa quả phơi ra ngoài đường để húng lấy bụi, lấy ruồi muỗi. Các người cúng lễ lên

(1) Nghe nói tiêm vi-trùng sống vào mạch máu, chắc có ngại lây lắm lắm. Nhưng vi-trùng ấy đã bị hấp diệt rồi ra rồi. Vào trong máu không thể hại người được nữa. Tiêm vi-trùng ấy vào cốt để cho bạch huyết khuyến (globules blancs) làm việc cho quen, sau đây có gặp vi-trùng khỏe sẽ đủ sức giết chết.

đồng, múa sư-tử tự cầu lấy sự nhọc để vi-trùng nó giết cho dễ. Ôi! ngu đại vô chừng! ở nước Nam ta một số rất đông người không có tin nhiệm gì với vệ-sinh cả. Họng nói đến các ông ấy mỉm cười một cách báng nhạo: « biết thế nào cho hợp được phép vệ-sinh? Nó vô cùng lắm » Các ông ấy cho vệ-sinh như một câu chuyện hoang-đường, nói ra được nhưng không thể nào theo được. Nhất là về mạn thôn dã dân quê ta không biết gìn giữ một tý gì. Cái ở bẩn cũng là một thói

quen: có người sáng giấy không rửa mặt, ăn cơm xong không rửa răng mà cũng chịu được. Có người hơi nhấm tý gì cũng phải rửa răng, ăn xong phải chạy vội đi rửa miệng. Những phương pháp vệ-sinh nếu ta chịu khó theo kỹ lưỡng một độ thì sau nó cũng thành thói quen, không thấy bận bịu tý gì nữa; hãy trông gương nước Hòa-lan, nước Bỉ, vì người ta theo vệ-sinh cẩn thận mà tránh khỏi được mấy lần những thảm họa ghê gớm.

H.

THƯ TÍN VẬT

Chúng tôi theo ý phần nhiều các Độc-giả mở mục này: Ngài nào muốn hỏi han điều gì chúng tôi cũng xin vui lòng phúc đáp. Nhiều ngài lại muốn chúng tôi giả nhời riêng cho được kín chuyện và nhanh chóng hơn, nhưng không gửi timbre để cho chúng tôi gửi thư lại. Vậy xin thế ý cho rằng, một vài ngài hỏi thì đã đành, như g nhiều ngài hỏi mà cũng phải chịu tiền timbre thì thực là một món chi tiêu bất thường cho Bản-chí.

Vậy lại xin nhắc lại rằng thư hỏi han điều gì mà không có dính theo bande mua Tap-chí và những thư muốn giả nhời riêng mà không có timbre gửi theo thì Bản-chí không thể phúc đáp được.

Xin các ngài lượng cho.

Phúc thư M. N. V. C. cầm lái ô-tô Hanoi

Nếu các bằng cấp cầm máy, giấy căn cước và các giấy chứng chỉ, giấy khen, đều đứng tên họ cũ là tên bố nuôi đặt cho không hợp với tên ở nguyên quán là nơi mới tìm về đóng góp ngày nay, thì phải làm giấy xin đổi tên, lấy cả hai tên nghĩa là cái tên thực ở nguyên-quán mà tức tên ở quê bố nuôi cũ. Đơn ấy phải có Hương lý thị thực và nhận là người lương thiện xưa nay không can án khoản gì, và dính theo một tờ tư phép lý lịch,

rồi nộp tại huyện đề quan sở tại đính đệ lên tỉnh cho. Tỉnh sẽ tư lên xin quan Thống-sứ. Ngài sẽ làm nghị định cho phép đổi tên.

Phạm đổi tên tất phải có nghị định quan Thống-sứ cho mới được.

Làm như thế mới phải lẽ. Ông muốn xin phép đổi tên bằng cấp, tên các chứng chỉ thì không tiện, vì rằng quan trên biết thế nào được là những giấy ấy chính của ông hay là của một người nào khác có tên như trong giấy ấy.

Phúc đáp thư M. P. V. Th. Haiphong

Việc ông hỏi cũng như việc ông tài trên này. Nhưng việc ông lại có lý rõ ràng hơn. Cái tên thực chỉ nhằm với tên gọi thường có chữ H với chữ G cuối cùng thôi. Nhưng nếu viết ra chữ nho thì khác hẳn? Ông muốn cải chính cho đúng thì cũng làm đơn xin như lời đã nói ở trên.

Thế ông sẽ đứng cả hai tên, tên này tức tên kia.

Ông lo xa thế rất phải, nên xin đổi tên cho rõ đúng thì mới khỏi e sau này sảy ra những sự lồi thối bất ngờ về các giấy má tài sản được.



CHUYỆN VUI

I — Hữu sở kiến ⁽¹⁾

Quan Nghè nọ mở trường dạy học học trò đông lắm, nhà trường chật thường phải ngồi cả ra sân. Cảnh nhà học có cụ Đề-lại, nhân vì chữ nghĩa sắc quá, dân tình kêu ca nhiều, nên quan trên cho về quê tĩnh sĩ. Cụ ở nhà ngồi rồi ngày nào cũng sang chơi quan Nghè, lên mặt tiền bối, mỗi khi thấy quan Nghè khen câu văn nào thì cụ cũng khen theo, mà quan Nghè chê là cụ chê theo, học trò lấy thế làm khó chịu lắm.

Một hôm về mùa hạ giờ nóng nực, trường học khai giảng sớm, cụ Đề cũng mò sang. Hôm ấy lại có bình văn, đọc vừa xong hai quyển nhất nhì quan Nghè hỏi:

— Các thầy ai có ý kiến gì cứ nói.

Cụ Đề gật gù, tay phe phẩy quạt lông nói theo:

—Ừ, các trò « Hữu sở kiến » cái gì cứ nói, cứ nói

Một trò tinh nghịch thấy thế khúm núm đứng lên gãi tai nhìn cụ Đề sẽ nói :

— Bẩm cụ, con.... con hữu sở kiến... nói thế lại ngồi xuống.

— Ừ, thầy hữu sở kiến gì thì nói đi ! nói xong cụ Đề có ý tự đắc quạt lấy quạt đề.

— Gia, con đâu giám...

— Ai chà.., Văn hành công lý, trước mặt quan Nghè với tôi đây, thấy sao cứ bàn, cứ nói, sao thầy giở thế.

Trò này vẫn làm ra ý ngán ngại, muốn đứng lên lại hình như không giám, các bạn khác thấy vậy không hiểu tình ý ra sao, vì anh ta tuy học giỏi nhất trường nhưng lại là người ít nói.

Quan Nghè nóng ruột cũng giục:

— Thầy biết gì thì nói đi

Thấy thầy học có ý không bằng lòng anh ta vội đứng lên thưa :

— Gia, bẩm thầy với cụ cho phép... con... con hữu sở kiến... cụ Đề đề bụng phê ra từ nãy đến giờ.....

Cụ Đề ngờ ngác nhìn xuống thì chàng áo tuột khuy tự bao giờ, cụ không mặc áo cánh chờ một cái bụng phê ra, cụ ngượng quá, thẹn đỏ mặt.

Các trò khác buồn cười chỉ bụng mồm không dám cười to.

Quan Nghè thấy thế vội nói sang bài khác cho cụ Đề khỏi thẹn.

Từ hôm sau giờ đi, trên chiếu giấy học các học trò chỉ thấy ông thầy giấy học thôi

II — Thơ con voi

Ông Cao-bá-Quát người làng Phú-thị tỉnh Bắc ninh hay chữ có tiếng về sau gọi là « Thánh Quát » Khi ông còn bé, một hôm theo trẻ trong làng rủ nhau ra sân đình đánh đáo. Thấy cửa đình mới sửa lại và có đắp hai con voi nấn vào tường. Ông Quát tinh nghịch lấy ngay hòn gạch cầm sẵn ở tay đề vào vách rằng:

*Khen oi khéo khéo đắp con voi,
Đủ cả đầu đuôi đủ cả vòi;
Chỉ có cái kia sao chẳng thấy
Hay là thầy Lý bớt đi rồi.*

Đề xong rồi lại đánh đáo rồi giủ trẻ đi thả diều.

Cuiều đến ông lý lên huyện về ngang qua đình thấy hai thơ tức quá, tra hỏi những người ở sớm gần đây biết là ông Quát làm, liền vào thẳng nhà ông ta đề mạch.

Ông cụ siuh ra ông Quát, thấy ông lý vào trách, gọi con ra mắng

Ông Quát thưa rằng :

Thưa cha, con nghe người nhớn thường nói : « Chưa học làm xã đã học ăn bột » có nhẽ thầy lý làng ta « có tật nên tật mình ».

III — Có tài diễn thuyết

Giáp — Người diễn thuyết này thật có tài hùng biện, bác thử nghe xem ông ta nói một mạch mà đã hơn hai giờ đồng hồ.

Ất — Ông ấy nói về vấn đề gì thế ?

Giáp — Chưa thấy, tôi vẫn có ý nghe từ nãy đến giờ

Tiên Đàm

(1) Hữu sở kiến : là có ý kiến gì ?
Có thấy gì không ?

PASTEUR TIÊN SINH

Tiêu sử và sự nghiệp (Tiếp theo)

Thuật giả : LÊ-VÕ-THÁI

III

Có một năm vùng nam xứ Pháp bị thiệt hại lớn về nghề tầm tơ. Cái nguyên nhân sự bị thiệt hại đó ước chừng mất đến 100 triệu quan, chỉ biết là do một thứ bệnh truyền nhiễm của loài tầm. Ngoai giả không cò ai biết cái bệnh truyền nhiễm đó ở đâu sinh ra. Có người mời tiên sinh xuống thăm vùng Nam để khám phá việc đó. Tiên-sinh từ trước chưa từng xem xét đến loài tầm, thoạt tiên có ý ngần ngại và từ chối. Sau có người năn nỉ cố khuyên Tiên sinh nên ra đi nghiên cứu. Cứ như cái trí sáng kiến của tiên sinh, dù tiên sinh chưa được biết đến loài tầm bao giờ, nhưng hễ nhìn đến mớ đến tất nhiên khám phá được điều hay sự lạ. Bất đắc-dĩ, tiên sinh nhận nhoi. Khi đến nơi tiên sinh đem kính hiển vi chiếu biết rằng thứ bệnh đó là do ở một lũ độc trùng phát sinh, Tiên sinh chia bệnh dịch tầm ra làm hai hạng pébrine và flacherie. Muốn trừ bệnh ấy phải biết cách trộn tầm lựa kén cho tinh vi. Nếu một chỗ có bệnh mà không lựa trộn ra và giữ giữ chỗ khác cho cẩn thận, làm thế nào bệnh cũng lan ra chong lăm.

Hồi đó vào năm 1868, tiên sinh đã 46 tuổi đầu. Còn đang nghiên cứu kỹ lưỡng về bệnh prébrine và flacherie thốt nhiên thụ bệnh đau mang óc rất nguy nan.

Tiên sinh buồn bực than thở rằng: «Tôi cũng tiếc không sống được ít lâu nữa để giúp ích cho đời chút đỉnh.»

Song, một cái óc như cái óc của tiên sinh giới nào nữ vội đem chôn sâu ba thước đất. Trong ít lâu tinh dưỡng, tiên sinh lại khỏe mạnh như thường. Công việc tiên sinh lại tiến hành như cũ. Sau cách lựa trộn giống tầm thực nghiệm được rất tốt. Nhiều xứ sống về nghề

tầm tơ đều theo cách của tiên sinh mà khỏi thiệt hại.

IV

Người tài trí thường khi bị cái hoàn cảnh và cảnh ngộ làm nhụt mất nhuệ khí của mình đi. Giữa lúc, Pasteur tiên sinh đang hăng hái tìm tòi các phương diện khoa học này, khám phá những sự bí ẩn khác về vi trùng học, bỗng nổi chận chiến tranh Pháp Đức hồi năm 1870. Cái óc của tiên sinh cũng bị đau đớn ít nhiều về cuộc binh đao cho nên phải nghỉ đi một dạo. Tiên sinh có lời than rằng: «Nước Pháp yêu qui của ta ơi! nhìn thấy những nông nổi thất bại đau lòng, tôi đây tôi hèn sức mọn chẳng biết có thể làm nên công trạng gì ma sau này để nâng cao cái phẩm giá của tổ quốc chẳng?»

Việc binh lửa đã tàn, tiên sinh liền ra công nghiên cứu về cách làm rượu bia (bière) cho được thập phần hoàn hảo để cạnh tranh với thứ bia các nước, nhất là bia của Đức chế ra. Tại sao rượu bia của nước Pháp kém bia các nước? Chỉ vì trong rượu bia có một chất giúp cho vi-trùng dễ sinh sản lăm. Phải tìm cách trừ bỏ chất ấy đi. Cách trừ bỏ như thế quả có công hiệu lớn lao: vi trùng lọt vào rượu bia không còn tìm được chất gì để giúp cho sự sống nữa tất phải tiêu diệt dần đi. Vi-trùng có tiêu diệt, rượu bia mới còn chất thơm ngon.

Bao phen nghiên cứu là ngần ấy phen phát minh được sự lạ điều hay. Mỗi phen phát minh được món gì là một phen có kết quả mỹ mãn, Cuộc đời của tiên sinh đến đây chỉ thấy những sự cạnh tranh ghen ghét làm trở ngại đôi chút tiến hành. Chứ tiên sinh chưa từng thấy sự thất bại bao giờ cả.

Năm 1873, tiên sinh đã ngũ tuần lễ mới được sung chức vào viện Hàn-Lâm Y-Học. Nhà hóa

học Pasteur khi trước nay đã nghiêm nhiên là một ông Y-sĩ.

Những học-giả đồng thời đã lo thay cho Tiên sinh, lo cho tiên-sinh chỉ thạo về cách sấy rượu vang, lọc rượu bia và chữa bệnh tâm, chả biết nay có thạo về cách xét bệnh, chẩn mạch và mổ sẽ không?

Họ lo như thế là quá lo xa.

Tiên sinh đã có học lực sẵn như cái trụ đồng cốt sắt rồi, đem dựng thứ gì lên trên mà chẳng vững. Bởi thế nay ta còn được mục kích mấy giòong cảm ơn sau này của một nhà mổ sẽ nước Anh là Lister gửi cho Tiên sinh vào khoảng năm 1874 đủ chứng rằng tiên-sinh cũng giúp ích về y-học nhiều lắm.

Lister nói :

« Xin ngài nhận lời cảm tạ của tôi. Vì nhờ những sự sáng kiến của ngài về khoa vi trùng học mà tôi đã nghĩ ra được cách trừ bệnh phải trừ tại căn : Muốn tẩy uế thì phải tìm cách làm tiêu-diệt những con sinh-vật là nguyên nhân sự ô-uế đó, tức là những độc trùng. »

Những phương pháp của Pasteur tiên sinh có ảnh hưởng biết là chừng nào. !

Lại xem như mấy câu nghị luận nữa của quan Đốc Sédillot về bài : « Ảnh hưởng những công-cuộc sáng-kến của Pasteur tiên-sinh trong ngành mổ sẽ. » Đọc tại viện Hàn-lâm năm 1878. Quan Đốc có nói rằng : « Khoa mổ sẽ thật là một khoa-học tối-tân về cận kim thời đại này. Nhất là các nhà chữa các mụn dọt bằng phương pháp mới của Pasteur tiên-sinh và Lister tiên-sinh lại càng tân diệu làm Hai tên Pasteur đáng đứng đầu ở lịch-sử nghề làm thuốc vậy. »

Nhân thế quan Đốc có yêu cầu với viện Hàn-lâm nên đặt tên riêng cho những sinh-vật nhỏ-nhỏ trong các chứng bệnh là vi-trùng. Ngay thanh tên vi-trùng là microbes để chỉ rõ nhưng giống vật sống ở xung quanh mình ta, chỗ nào cũng có, nhìn thù nó bé nhỏ lắm, tầm con mắt ta nhìn không thấu được phải dùng đến một thứ kính gọi là hiển-Vi (microscope) thì lom mới rõ.

V

Từ đây mà đi cái thanh danh của tiên-sinh trong chốn y-trường càng ngày càng lừng-lẫy. Những lý-thuyết của tiên-sinh về các thứ bệnh tật và khoa

vi-trùng đã thành những lý-thuyết khiến cho thiên-hạ phải suy tôn phục tòng.

Bấy giờ tiên sinh mới bắt đầu nghiên-cứu đến một bệnh kinh niên khó tìm ra manh mối là bệnh dịch cừ (le charbon) đã bao nhiêu năm nay nhiều vùng chăn nuôi giống cừ ở bên Pháp xứ Beance bị thiệt thòi về cái bệnh khốc hại đó.

Trong một đàn cừ hề thấy con nào chạy dồng, đầu cúi xuống đất, chân dục lầy bầy, miệng thở phập-phồng, mũi chảy máu tươi, đó là thần dịch cừ đã đến rước đi đó. Trong chốc lát cừ ta đã hồn về chín suối. Rồi con này theo con khác, có khi mất hết cả đàn. Trong thân thể những con cừ chết có rỉ ra một thứ nước đen như than mà quánh như dầu. Vì thế cho nên bệnh dịch cừ gọi là Le charbon.

Bác-sỹ Devaine và Reyer có nghiên cứu về bệnh ấy đã công bố lên rằng : trong cái chất nước than đó có một giống trùng soi to ra bình như cái gậy Nhưng chẳng qua là lựa theo lý-thuyết của Pasteur tiên-sinh mà nói vậy thôi. Kỳ thực không khám-phá được điều gì hay hơn nữa và không nghĩ được cách gì trừ khử được bệnh khốc hại kia.

Đến lượt tiên-sinh mới thử một việc thí-nghiệm : cón con lúc ban đầu da thay cơ cơ uy-vọng lớn ngay. Tiên sinh gạn lấy ít nước than (sang charbonneux) của con cừ chết cho vào một cái lọ thủy tinh. Trong lọ đã có sẵn một ít nước thịt bò hay thịt gà để nuôi sống giống vi-trùng ở trong nước than. Được ít lâu nhìn kính hiển vi thì thấy trong lọ sinh sản ra nhiều vi trùng hơn trước : xem ra nằng nằng hang vạn không biết bao nhiêu mà kể... Tiên-sinh lại lấy một giọt trong lọ trước đó vào một lọ khác. Trong lọ mới này cũng có sẵn nước thịt để nuôi sống vi-trùng. Được ít lâu nhìn trong lọ mới cũng thấy nằng ha sa số vi-trùng mới sinh sản ra. Tiên sinh lại lấy một giọt ở lọ thứ nhì đổ vào một lọ thứ ba cũng có nước thịt sẵn. Được ít lâu vi-trùng trong lọ mới cũng sinh sản ra rất nhiều. Tiên-sinh làm như thế đến một trăm lọ mới thôi. Trong lọ thứ một trăm thấy cũng nhiều vi-trùng như trong lọ thứ nhất. Sự sinh hoạt của vi-trùng ở các lọ cũng đều thấy hăng hái như nhau. Lấy nước ở trong lọ đem tiêm cho con cừ khỏe mạnh. Lúc thì cừ khỏe mắc bệnh mà quỵen-sinh.

Nhất thiên nhất gia thoại

MILLE ET UNE NUITS

Chuyện Thiệu-chúa Hắc-đào

(Tiếp theo)

(Ký trước sắp nhằm là « Chuyện Tể Tướng bị phạt » vậy xin cải chính lại cho đúng)

Ông vua cứ giả làm thẳng đen mà nói : « Nàng lại gần đây. » Nó vội vàng lại ngay. Vua lại nói : « Dịch kẻ bên tỷ nữa chứ chưa đủ. » Nó nghe nhèi lẽ thêm lại ít nữa. Vua đứng phắt ngay giây, nắm ngay lấy tay nó, nhanh như chớp mắt, khiến cho nó không kịp định thần, rồi chém nó một nhát đứt làm hai đoạn, mỗi mảnh văng ra một bên. Song rồi, cứ bỏ mặc cái thây ấy trong Lệ-đài, mà đi ra tìm Thiệu-chúa. Về phần Thiệu-chúa, thì Thiệu chúa cũng đương mong đợi ngài hết sức. Khi vua tìm thấy Thiệu-chúa thì ôm ngay lấy hôn mà bảo rằng : « Thôi từ nay ngài hưởng thái bình, không còn lo sợ gì nữa, con ác nghiệt không còn nữa. »

Vị Thiệu-chúa thâm tạ ân vua, ghi lòng tạc dạ tung hô vạn tuế, vạn phúc.

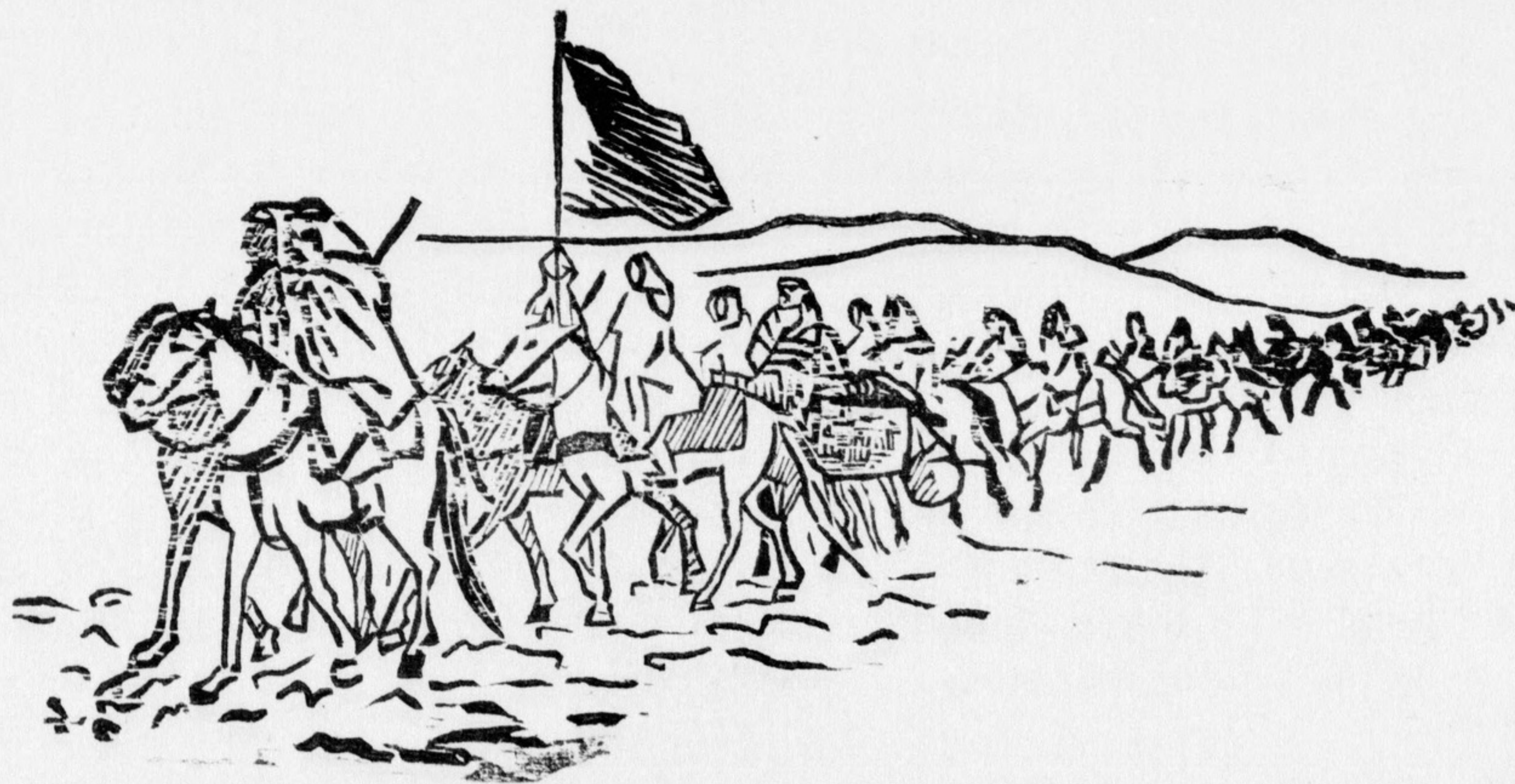
Vua nói với Thiệu-chúa rằng : « Từ nay ngài được yên vui trị nước, thẳng hoặc ngài muốn sang bên nước tôi là lân quốc, cho tôi được nghênh tiếp Ngài thì tôi lấy làm hân hạnh lắm; xin Ngài biết cho rằng Ngài sẽ được tôn kính như ở quý quốc. »

Thiệu-chúa cung kính đáp rằng : « Muôn đời ơn Thánh-thượng, Thánh-thượng có chắc là quý-quốc liền với tiện quốc chẳng ? »

Vua đáp rằng : « Tôi tưởng chừng như vậy, đi chỉ độ bốn năm giờ thôi. — Thiệu-chúa lại nói: Tôi tưởng đi đến hàng năm, Thánh-thượng đến đây mà mau chóng như thế là khi ấy nước tôi còn bị cái phép di sơn đảo hải, chứ ngày nay đã được thu phép rồi, thì tất nhiên thay đổi không được lần cận như thế nữa. Nhưng thế nào thì thế, dầu có phải đi đến cùng được tôi cũng xin đi hầu giá để báo đáp tái sinh chi đức, và dầu có phải bỏ nước tôi cũng cam lòng. »

Vua nghe thấy nói xa xôi như thế thì lấy làm lạ quá, không hiểu sao mà thành ra thế được. Thiệu-chúa giảng rõ ra vua mới hiểu, bèn phán rằng : « Dầu đi nghìn dặm quan sau mới về tới nơi chẳng nữa thì ta cũng thoả lòng, vì đã cứu được Thiên Tuế và được Thiên-Tuế làm con để sau này sẽ nối ngôi cho ta. »

Hai bên tình tự với nhau rất là thân ái. từ đấy Thiệu-chúa chỉ những lo việc sắm sửa xe giá lên đường, trong ba tuần thì vừa xong. Quần thần và bách tính ngao ngán, mến tiếc. Thiệu-chúa chọn một vị trong kim chi ngọc diệp để trị vì thay.



Tiệc trà bên quan nguyên Toàn-Quyền Robin tại hội Khai-Trí-Tiến-Đức

5 giờ chiều hôm thứ sáu 19 Juin, tại Hội-quán Khai-Trí Tiến-Đức phố hàng Trống có thiết tiệc trà tiễn quan nguyên Toàn-Quyền Robin, ngài sắp về quý quốc nay mai, Tiệc trà ấy nhờ có mấy ông Phạm-Quỳnh, Hồ-Thân, Lê-v-Phúc v. v. hết sức săn sóc nên được chu-đáo và long trọng lắm.

Trước cửa hội-quá có cờ ngũ sắc, cờ tam tài, câu la-liệt, chun quanh nhà có lính cảnh sát tây nam giữ trật tự. Trong hội-quán đèn điện sáng trưng, cờ tam-tài chằng la liệt, tàn-lọng cắm tứ phía. Ở chính giữa có một cái đỉnh đồng thật to, chung quanh cái đỉnh ấy thì bày rượu bày bánh.

Khách dự tiệc có đủ các thượng quan văn-võ Tây nam, các nhà báo, các ông hội-trưởng các hội và những nhà thương-mại, kỹ-ngệ trong thành phố.

5h 15, quan Robin đến, lính khố xanh thối kèn chào.

Quan thiếu Hoàng-trọng Phu đứng lên đọc diễn-văn. Diễn-văn bằng tiếng Pháp, đại-khai nói: «Bữa tiệc trà này là của các hội viên hội Khai-Trí Tiến-Đức, hội Ái hữu-quan-Lại và viện Dân-Biểu-

* **Bắc-Kỳ** gom góp nhau lại để mừng một vị thủ-hiến lịch-ly ở xứ Đông-Dương này, tính ra đã 30 năm. Ngài đã mở-mang sự học chốn thôn-quê dựng nhà hộ-sinh các xã, sở địa-chính ở các nơi. Nào việc qui định sự phân-cấp ruộng bễ là một vấn-đề quan-hệ cho sự di bớt dân các tỉnh đông-đúc, nào việc chỉnh-đốn ngạch quan-lại, nào việc đắp đê cho dân khỏi nạn thủy tai. Tuy việc chi-tiểu về sự đắp đê lên tới 10 triệu đồng mà lợi cho dân vô kể, lại nhờ chính-sách cương-quyết của ngài mà Xứ Đông-Dương được yên ổn. Nay ngài về quý-quốc, chúng tôi rất lấy làm mến-tiếc. Song đã có quan hống xứ Tholance thay ngài mở-mang cho chúng tôi, thực chúng tôi lấy làm hả dạ lắm... »

Quan Toàn-Quyền tỏ lời cảm ơn quan Thiếu và các hội đã tỏ lòng quyến luyến ngài mà bày ra bữa tiệc trà này. Ngài nói vừa rút lời tiếng vỗ tay vang như sấm.

Đoạn quan Thiếu mời ngài ra dự tiệc, các quan khách ra bàn uống rượu, nếm bánh. Trong lúc ấy có phường nhạc cử nhạc, nghe rất êm tai.

Đến 7 giờ chiều, tiệc tan, quan khách giải tán.

Đức vua và Thiếu - chúa cùng lên đường. Thiếu-chúa mang theo một trăm lạc-đà chở những châu báu vàng ngọc trích trong kho ra nhiều không biết đâu mà kể, và có năm mươi kỵ binh hùng tráng theo hộ giá. Vua xuống chiếu cho đưa tin về trước để trong nước biết rõ vì có gì mà ngài vắng lâu, và cái thủ-đoan ly kỳ ấy. Đi đường bình yên cả. Đến khi về gần thành đô, quần thần ra nghênh giá và dâng biểu tấu là trong nước không có chuyện chi thay đổi. Bách tính cũng ra lây mừng và tung hô vạn tuế, mở hội vui mừng những mấy hôm.

Hôm sau ra chiều Ngài kể rõ cả đầu đuôi câu chuyện cho quần thần nghe rồi Ngài lại bảo cho biết rằng: Ngài mới đem Thiếu-chúa Hắc-Đào về làm con, mà Thiếu-chúa cũng vui lòng bỏ cả một nước nhớn theo Ngài về đây. Khao thưởng các quan và quân sĩ, cứ tùy theo đẳng cấp mà gia phong vì ai nấy đã tỏ lòng tận chung.

Còn anh ngư - phủ kia tức là đầu mối gỡ cho Thiếu-chúa thoát nạn, nên vua cũng ban cho của cải rất nhiều cho anh ta cùng thê tử được sung sướng trọn đời.

NGUYỄN-MẠNH-BÔNG

Chủ-nhân nhà thuốc "Hương-Hát-Dược-Phòng"
Đông-Phương Hồng-liệu bệnh-viện Phần-viện trưởng

HỒNG-LIỀU-HỌC-SĨ

Tổng-cục: 92, Boulevard Bonnal, Haiphong

Có mấy thứ thuốc linh-nghiệm do cụ Mai-Lộc Nguyễn-Mạnh-Huân truyền sinh ra ông Nguyễn-Mạnh-Bông chế ra như sau này:

I

BỒ "TRUNG ICH KHÍ HOAN"

Thuốc bổ thận cố tinh

Mỗi lọ 1\$20

Thông-trị các triệu chứng ông chơi bởi quá-độ, lo nghĩ nhiều đường, làm ăn nhọc mệt, ốm yếu vừa xong. Lậu làm môi nứt, ăn yếu ngủ ít, xấu máu da vàng. Rất bổ rất tốt!

II

HỒ CỐT MỘC QUA TỬU

Rượu tề thấp ngâm với hồ-cốt.

Mỗi chai 1\$00

Thông-trị các chứng đòn đánh, té-bại, đau mình đau xương.

III

NỮ-PHỤC-KIM-ĐAN

Thuốc điều kinh bổ huyết đàn-bà.

Mỗi lọ 1\$20

Thông-trị các chứng đàn-bà xấu máu, dễ xong bị bệnh, con gái không điều kinh, hiếm con, ốm yếu còm gầy, khí hư, băng huyết.

IV

THUỐC LẬU SỐ 1

Thông-trị các bệnh lậu nhẹ nặng

Mỗi hộp 1\$00

Các thứ thuốc như ho, hen, đờm, xuyên, tả, ly, cam-tích, cảm sốt, còn nhiều. Xin đến số nhà 87 Phố Lamblot Hanoi ngay ngõ Huyện trông ra, nhà có cây cối um tùm, ta gọi là Phố nhà thờ cũ.

Hội Ái-hữu cựu sinh viên trường Bảo-hộ

Hội đồng trị sự tạm thời xin nói để các bạn hữu cựu sinh viên trường Bảo hộ biết rằng: Đại Hội đồng trước định họp vào ngày 5 juillet nay hoãn đến vào khoảng tháng Aout này thi họp.

Đại hội đồng họp ở đâu sẽ đăng báo sau.

Đến ngày họp đại hội đồng này mong rằng các bạn hữu ở Hanoi và các tỉnh sẽ đến dự hội đồng và tiệc trà cho thật đông để ta được cùng nhau tỏ tình thân ái.

Hội đồng trị sự tạm thời lại cáo

QUANG CÁO

Thị thành, Thị thành
Hỏi những tay sành
Lời đời biết của
Úc đã rèn rũa
Học văn rộng xa
Nước mắt hạt nhà
Sao mà đen thố:
Bề tôi xin kể
Cách họ làm hàng
Chà thính gạo rang
Hoặc chưng nước mặt
Pha phách nhiều chất
Xương lợn là dầu
Quê chỉ lấy mẫu
Vùng rang rây rí
Ta người thành thị
Khác kẻ quê mùa
Tiện việc thì mua
Không hay suy sết,
Chắc ai cũng biết

Cá có đen đâu!
Muối cũng một màu
Trắng tinh ở bề
Họ pha họ chế
Ra đỏ ra đen
Khuất mắt không xem
Nên không biết tởm
Còn cách ghê gớm
Vỏ dưa chua me
Nước nang đỏ nhoe
Nước Giành Hoàng bá
Nước mắt không cá
Nhắm mắt mà dùng
Một sự lạ lùng
Người đời dễ quích
Nếu bảo sở thích
Lại đáng buồn cười
Phàm sự ở đời
Ưa đen hay trắng?

ĐOÀN ĐỨC-BAN

Chủ nhà nước mắm Vạn-Vân cửa hàng:
số 2 phố bến tàu Haiphong
32 phố hàng Nâu Hanoi

SOCIÉTÉ INTERNATIONALE D'ÉPARGNE

(Hội Vạn-Quốc để dành tiền)

Công-ty nạc danh của người Pháp giúp sự góp tiền để dành cho thành vốn.

Tổng cục ở số 7, phố Edouard VII, Thượng-hải

Vốn của công-ty là 65.000 lạng bạc Thượng-hải (một nửa đóng rồi)

và 2.000.000 quan tiền Pháp (một phần tư đóng rồi)

Tiền trừ bị đến ngày 30 Novembre 1929 : 34.437.746.00 đồng bạc Thượng-hải.

Quản lý cõi Đông-pháp : 25, đường Guynemer. — SAIGON — Téléphone 571

Quản lý Trung - Bắc - Kỳ : phố Borgnis Desbordes. — HANOI — Téléphone 659

Hội thuộc quyền kiểm-duyet của phủ Toàn-Quyền Đông-Pháp. Tiền hùn lưu-trữ nhân được ở Đông-Pháp thì ký tại nhà Ngân-hàng Đông-Pháp ở Saigon

Muốn tiết kiệm, muốn gây lấy tư-bản, muốn cho con gái có tư-trang hồi môn nên lấy một phiếu để dành

CÓ HAI CÁCH GÓP VỐN THỜI HẠN KHÁC NHAU :

Một cách góp trong 10 năm và đến cuối năm thứ 12 thì lấy tiền ra là 1000\$ và lãi

Một cách góp trong 5 năm và đến cuối năm thứ 8 thì lấy tiền ra là 1000\$ và lãi

NẾU CÁC NGÀI MUỐN

tậu nhà, tậu đồn-điền
làm nhà, buôn bán

THÌ NÊN ĐẾN

Nhà ĐÔNG-PHÁP ĐỊA-ỐC NGÂN-HÀNG

(NHÀ BA TẦNG Ở PHỐ BỜ-HỒ TRÔNG SANG GÔ-ĐA)

Ở đây cho vay rất giẽ giãi — cách giả tùy ý mình chọn lấy, từ một cho đến 10 hay 15 năm.

THÍ DỤ :

Vay trong năm năm thì	1.000p00	phải góp	22.30	một tháng
	5.000.00	—	111.00	—
	10.000.00	—	223.00	—
— mười năm —	1.000.00	—	14.35	—
	5.000.00	—	71.80	—
	10.000.00	—	143.50	—
— mười lăm năm —	1.000.00	—	12.50	—
	5.000.00	—	60.25	—
	10.000.00	—	120.50	—

Ai ai cũng có thể xin góp như trên này, dù số tiền vay nhiều đến bao nhiêu cũng được — nếu không muốn giả góp như thế thì hoặc chia mỗi năm giả một ít vốn theo như sức của mình cũng được.

Xin mời các ngài cứ đến hỏi thăm — bao giờ đối với các quý khách, chúng tôi cũng hoan nghênh thừa tiếp các ngài rất chu-đáo, dù các ngài chưa cần tiền hay không cần tiền cũng xin cứ lại hỏi thăm-để cho biết.

BANQUE DE L'INDOCHINE

ĐÔNG PHÁP HỘI-LÝ NGÂN HÀNG

Được đặc quyền sáng lập ra từ năm 1875

Vốn Hội : Francs 72.000.000

Tổng cộng khoản dự bị ngân đến ngày 30 Décembre 1928 Francs 105.000.000.

HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Chánh : M Stanislas Simon, Chánh hội đồng trị sự công-ty Hỏa-xa Đông-dương Văn-nam.

Phó : M Paul Boyer, Chánh hội Thương-tục Comptoir National d'Escompte de Paris.

Tổng quản lý M René Thion de la Chaume, Nguyên thanh tra bộ Tài-chính.

Chủ nhiệm :

Nha hội chính : 96, Boulevard Haussman. Paris (Ville)

CHI ĐIỂM Ở CÁC NƠI :

TRUNG HOA :

Canton	Shanghai
Fort-Bayard.	Tien'sin
Hankéou	Yunnanfou
Hong kong	
Mongizeu	
Pékin	

ĐÔNG-DƯƠNG :

Battambang	Phnom-penh
Cantho	Qui-nhon
Haiphong	Saigon
Hanoi	Thanhhoa
Hue	Tourane
Nam dinh	Vinh

CÁC NƠI KHÁC :

Bangkok
Djibouti
Nouméa
Papeete
Pondichéry
Singapore

Thư từ giao dịch khắp cả hoàn cầu

Nhận các việc về Ngân-Hàng, Change et Titres — Có tủ bạc cho thuê — Ai cần việc gì, viết thư hỏi, xin giả lời ngay.

Adresse Télégraphique (Diêm bưu tín điện Indochine)

Giấy nói : Hanoi số 497 — Haiphong số 26 — Namdinh số 90 — Vinh số 45 — Thanhhoa số 37
(mở cửa ngày thứ ba)

THINH-HUNG

27, RUE DU COTON, HANOI
Bản-hiệu bán đủ các thứ nệm chần, màn, màn gọng, chàn, gối và các thứ ghế mây kiểu thonet.

Bán sơn, mặc áo, vân vân ..

Kiểu đẹp hàng tốt, giá rẻ.

ARTICLE POUR LITERIE — CHAISES
GENRE THONET — TABLES ET
PORTE-MANTEAUX EN BOIS ET EN
ROTIN LAQUÉS

Xin xem kỹ nhiều thứ thiết dụng...



Đèn perpétuelle PYGMY tốt nhất.

Đèn mã g-sông các kiểu.

Đèn đun nước SVEA rất êm có garantie

Đèn đun cồn, giàu hỏa, essence các kiểu.

Đèn sưởi (mùa bức làm đèn đun được)

Đèn đi sàn bán dùng cho chủ ô-tô, đồn-đền.

Đèn giàu hỏa sáng như trăng-sông.

Đèn bão, đèn giàu hỏa, đèn bấm.

Máy đánh lửa, gió không tắt, manchon, thông phong, bóng điện, pile EVEREADY. Hoa trắng nhà làm theo lối Nhật. Có thợ chữa đèn.

Hỏi catalogue ở : Hạng Văn-Tân, lampiste 29, rue du Coton-Hanoi. Telephone : 514

Các độc-giả Từ-Dân mua đèn Pygmy tặng riêng 10%.

Số nhà 3, Phố Hàng Ngang

TIẾNG LỬNG KHẮP HOÀN CẦU

CHE KIM-THAI NHẬT-PHẨM TAM-HY



CHU
V.S. CHE

Nhỏ cảnh sanh nước
mua tại :

Hanoi Hàng Ngang Số nhà 3
Haiphong Phố Khách số nhà 140

CHINE AN-PHONG

Phàm nhìn thấy bức ảnh nào đẹp mà
có giá trị thì thấy có chữ ký *Huong Ky*